

**CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH – VNSTEEL**



**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2023**



Mục lục

I. THÔNG TIN CHUNG	4
1. Thông tin khái quát	4
2. Cột mốc thời gian	5
3. Các giải thưởng	5
4. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động	6
5. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý	6
6. Định hướng phát triển	8
7. Rủi ro trong quá trình hoạt động	9
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	12
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh	12
2. Tổ chức và nhân sự	13
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án	22
4. Tình hình tài chính	22
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	26
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	27
7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương	29
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	30
1. Tình hình thị trường	30
2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh	31
3. Tình hình tài chính	32
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai	34
5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	35
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty	35
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	36
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty	36

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành công ty	36
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị	37
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY	38
1. Hoạt động của Hội đồng quản trị	38
2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	39
3. Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị	39
4. Hoạt động của Ban kiểm soát	41
5. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát	44
6. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty	45
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH	46
1. Ý kiến kiểm toán	46
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán	46

THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

Tên Công ty: Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL

Tên viết tắt: HMC

Trụ sở chính: 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP.HCM

Vốn điều lệ: 272.999.990.000 đồng

Điện thoại: (028) 3829.4623 - (028) 3823.0078

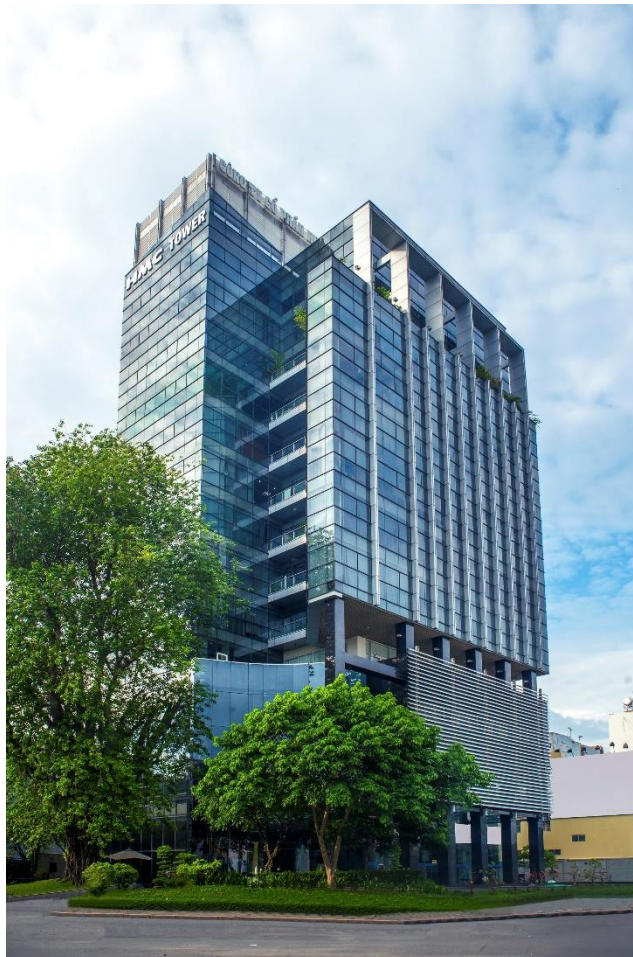
Fax: (028) 3829 0403 - (028) 38275693

Email: kimkhitp@metalhcm.com.vn

Website <https://metalhcm.com.vn/vi/>

Mã chứng khoán: HMC

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300399360 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười bốn ngày 22 tháng 08 năm 2022.



2. Cột mốc thời gian

1975: Ngày 30/12/1975, Tổng Cục trưởng Tổng Cục kỹ thuật Vật tư miền Nam đã ra quyết định số 517/VT-QĐ về việc tách Công ty Kim khí - Thiết bị Phụ tùng thành hai Công ty: Công ty Kim khí miền Nam và Công ty Thiết bị miền Nam.

1976: Ngày 04/11/1976, theo Quyết định số 827/VT-QĐ Công ty Kim khí miền Nam được đổi tên thành Công ty Kim khí Khu vực II.

1986: Ngày 01/01/1986, Công ty Kim khí Khu vực II được đổi tên thành Công ty Kim khí TP. Hồ Chí Minh theo quyết định số 746/VT-QĐ.

1993: Ngày 28/05/1993, theo Quyết định số 595TM/TCCB của Bộ Thương mại thì Công ty Kim khí TP. Hồ Chí Minh là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Kim khí - Bộ Thương mại.

2003: Bộ Công nghiệp ra quyết định số 183/2003/QĐ-BCN về việc sáp nhập Công ty Kinh doanh Thép và Thiết bị Công nghiệp vào Công ty Kim khí TP. Hồ Chí Minh và vẫn giữ nguyên tên giao dịch là Công ty Kim Khí TP. Hồ Chí Minh trực thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam.

2005: Công ty đã nhận được quyết định số 2841/QĐ-BCN của Bộ Công nghiệp về việc chuyển Công ty Kim khí TP. Hồ Chí Minh thành Công ty Cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh với vốn đăng ký kinh doanh là 158 tỷ đồng.

2006: Ngày 21/12/2006, Công ty chính thức niêm yết cổ phiếu tại Trung tâm giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, số cổ phiếu niêm yết là 15.800.000 cổ phiếu. Mã chứng khoán là HMC.

2008: Ngày 16/05/2008, Công ty niêm yết bổ sung 5.200.000 cổ phiếu từ đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ. Vốn điều lệ Công ty sau khi niêm yết bổ sung là 210 tỷ đồng

2017: Công ty cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh công bố thông tin về việc đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Kim khí Thành Phố Hồ Chí Minh - VNSTEEL vào ngày 17/01/2017.

2022: Năm 2022, Công ty Cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh đã tăng vốn điều lệ lên 272.999.990.000 đồng.

3. Các giải thưởng

- 1995: Huân chương Lao động Hạng ba - Xuất sắc trong công tác từ năm 1990- 1994.
- 2006: Bằng khen của Bộ Công nghiệp - Xuất sắc trong phong trào thi đua 2006.
- 2007: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ - Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2005 đến 2007.
- 2010: Huân chương Lao động Hạng nhì - Đã có thành tích xuất sắc trong công tác từ năm 2006 đến 2010.

- 2011: Cờ thi đua của Bộ Công thương - Thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ công tác khác năm 2011.
- 2012: Bằng khen của Bộ Công thương - Thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua thực hiện vượt mức kế hoạch sản xuất kinh doanh và các nhiệm vụ công tác khác năm 2012.
- 2013: Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ - Đã có thành tích xuất sắc trong công tác năm 2013.
- 2014: Bằng khen của Bộ Công thương - Thành tích xuất sắc trong công tác năm 2014.
- 2016: Bằng khen của Bộ Công thương - Thành tích xuất sắc trong công tác năm 2016.

4. Ngành nghề kinh doanh và địa bàn hoạt động

4.1. Ngành nghề kinh doanh

- Kinh doanh kim khí; vật tư thứ liệu; phế liệu; sản phẩm kim loại và các loại vật tư khác. Sản phẩm kinh doanh chính của Công ty trong những năm vừa qua chủ yếu là mặt hàng thép như: thép tấm, lá chính phẩm; thép tấm, lá sai quy cách, thép hình, thép xây dựng, thép phế liệu...
- Sản xuất, gia công, chế biến các sản phẩm kim khí.
- Dịch vụ: cho thuê văn phòng, cho thuê kho bãi.

4.2. Địa bàn hoạt động

Địa bàn kinh doanh của Công ty tập trung chủ yếu ở TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh phía Nam.

5. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

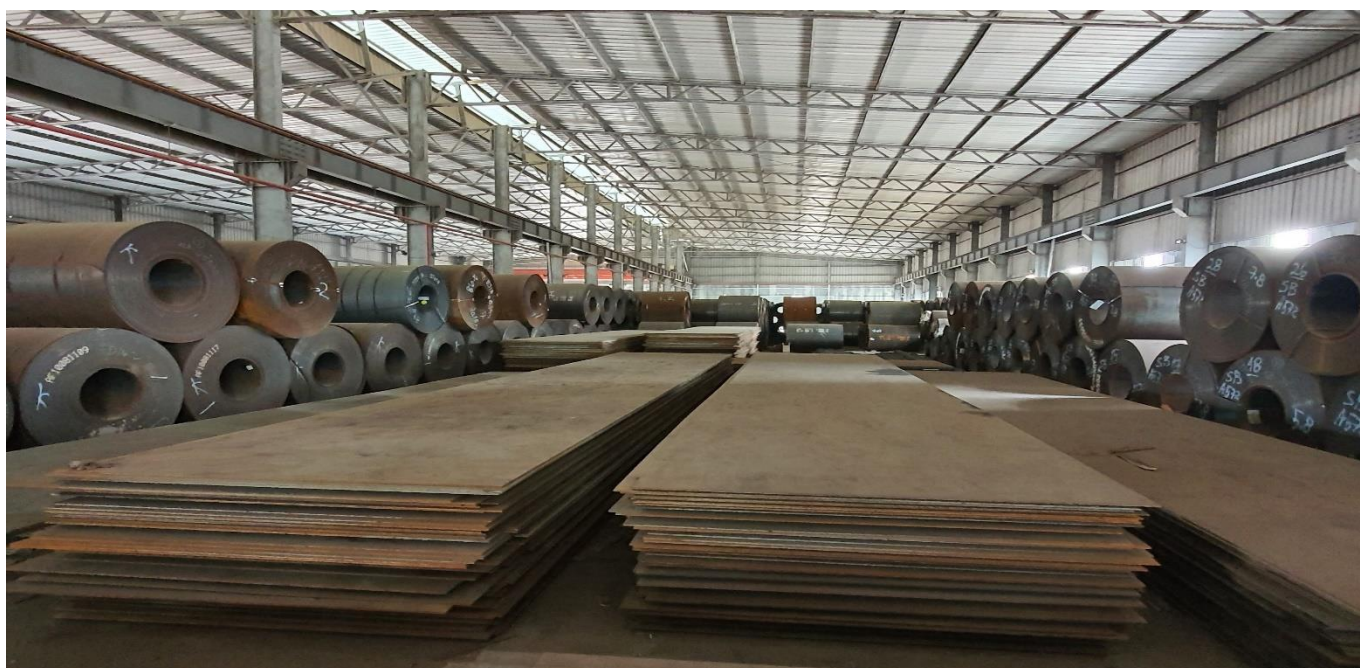
5.1. Mô hình quản trị

Đại hội đồng cổ đông

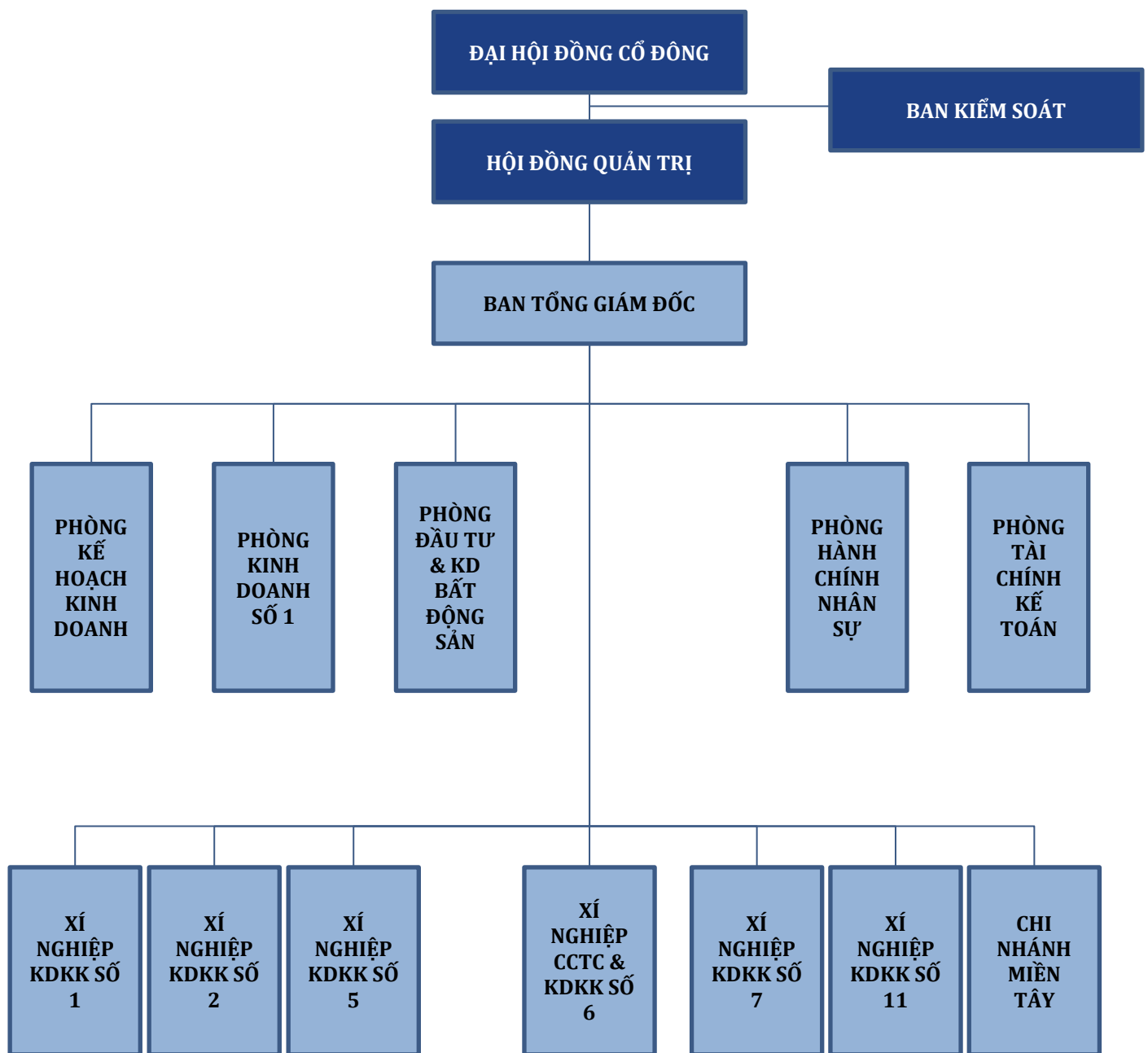
Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Tổng giám đốc



5.2. Bộ máy quản lý



5.3. Công ty con, Công ty liên kết

Công ty không có Công ty con và Công ty liên kết.

5.4. Đơn vị thành viên

XÍ NGHIỆP KINH DOANH KIM KHÍ SỐ 1

Địa chỉ: 343/17 Tô Hiến Thành, Phường 12, Quận 10, TP.HCM

Điện thoại: (028) 38633537

Fax: (028) 38645012

XÍ NGHIỆP KINH DOANH KIM KHÍ SỐ 2

Địa chỉ: C35/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc A, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, TP.HCM

Điện thoại: (028) 36207696

Fax: (028) 36206266

XÍ NGHIỆP KINH DOANH KIM KHÍ SỐ 5

Địa chỉ: 24-26-28, Đường số 13, Khu Phố 4, Phường Linh Trung, Q.Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: (028) 38963974 – (028) 38960400

Fax: (028) 38963974

XÍ NGHIỆP CÁN CẮT TẤM CUỘN & KINH DOANH KIM KHÍ SỐ 6

Địa chỉ: Số 5 Đường số 13, Khu Phố 4, Phường Linh Trung, Q.Thủ Đức, TP.HCM

Điện thoại: (028) 37245809

Fax: (028) 37246206

XÍ NGHIỆP KINH DOANH KIM KHÍ SỐ 7

Địa chỉ: 343/17 Tô Hiến Thành, Phường 12, Quận 10, TP.HCM

Điện thoại: (028) 39798038

Fax: (028) 39798039

XÍ NGHIỆP KINH DOANH KIM KHÍ SỐ 11

Địa chỉ: C35/I Đường số 7, Khu Công Nghiệp Vĩnh Lộc A, Xã Vĩnh Lộc A, Huyện Bình Chánh, TP.HCM

Điện thoại: (028) 37654505

Fax: (028) 37654506

CHI NHÁNH MIỀN TÂY

Địa chỉ: 183 Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy, TP.Cần Thơ

Điện thoại: (0292) 3841182

Fax:(0292) 3842992

6. Định hướng phát triển

6.1. Mục tiêu của Công ty

Mục tiêu của Công ty cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh - VNSTEEL là xây dựng một hệ thống thương mại hiện đại, cung cấp hàng hóa và dịch vụ hoàn hảo bảo đảm thỏa mãn tối đa nhu cầu của khách hàng.

6.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

Công ty tập trung kinh doanh và phát triển với 3 trụ cột là các ngành hàng sau:

- Kinh doanh thép nhập khẩu: mục tiêu tăng trưởng doanh thu 5% mỗi năm.
- Kinh doanh thép sản xuất trong nước, chủ yếu là thép xây dựng, mục tiêu tăng trưởng doanh thu 10% mỗi năm.
- Kinh doanh dịch vụ cho thuê văn phòng, kho bãi: cố gắng đảm bảo lấp đầy diện tích cho thuê.

6.3. Mục tiêu phát triển bền vững với môi trường và xã hội

Công ty Cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh - VNSTEEL luôn hướng đến việc phát triển kinh doanh bền vững, đồng thời cũng đảm bảo trách nhiệm với xã hội. Điều này thể hiện qua việc kinh doanh có hiệu quả trên cơ sở tuân thủ pháp luật và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế; chú trọng bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động; tích cực đóng góp vào các hoạt động của địa phương và xã hội.

HMC luôn quan tâm đảm bảo an ninh, an toàn, vệ sinh lao động và bảo vệ môi trường tại các địa điểm kinh doanh của Công ty. Các cán bộ công nhân viên luôn được nhắc nhở nâng cao nhận thức và cùng chung tay bảo vệ môi trường.

Công ty xây dựng một môi trường làm việc tích cực, đoàn kết và hiệu quả để các cán bộ công nhân viên gắn bó lâu dài.

Công ty tích cực tham gia các hoạt động của địa phương, xã hội cũng như các chương trình tình nguyện và hoạt động từ thiện cho cộng đồng. Tạo điều kiện cho cán bộ nhân viên tham gia các hoạt động này nhằm tăng cường ý thức cộng đồng của công dân.

7. Rủi ro trong quá trình hoạt động

7.1. Rủi ro kinh tế vĩ mô và ngành thép

Trong năm 2023, kinh tế toàn cầu phục hồi yếu và không đồng đều giữa các nền kinh tế chủ chốt. Hoạt động sản xuất suy giảm, từ sản lượng công nghiệp đến vốn đầu tư và thương mại quốc tế, phản ánh tác động kết hợp của xu hướng chuyển dịch tiêu dùng sau đại dịch sang dịch vụ. Bất ổn địa chính trị gia tăng, lạm phát giảm chậm buộc hầu hết các nước vẫn tiếp tục thực hiện thắt chặt tiền tệ. Trong bối cảnh tăng trưởng kinh tế, thương mại toàn cầu thấp, thị trường thép năm 2023 tiếp tục gặp nhiều khó khăn, thách thức khi nhu cầu tiêu dùng thép yếu ở hầu hết các khu vực trên thế giới. Chính sách tiền tệ thắt chặt năm 2023 đã tác động mạnh tới doanh nghiệp và các hoạt động kinh tế, đầu tư, tiêu dùng toàn cầu trong đó có các lĩnh vực tiêu dùng thép.

Thị trường thép Việt Nam chịu tác động trực tiếp từ suy giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu, biến động thị trường thép thế giới và điều chỉnh chính sách của các nền kinh tế lớn. Theo thống kê sơ bộ của Tổng cục Hải quan, trong năm 2023, Việt Nam nhập khẩu hơn 13,3 triệu tấn sắt thép, trị giá trên 10,4 tỷ USD, tăng

14,1% về lượng, nhưng giảm 23,3% về giá so với năm 2022. Trong khi đó, sản lượng sản xuất và tiêu thụ thép thành phẩm trong nước đều giảm so với năm trước do tốc độ tăng trưởng thấp của nền kinh tế, sự trầm lắng của thị trường bất động sản do những vướng mắc về pháp lý và nguồn vốn của doanh nghiệp thuộc lĩnh vực này. Vì vậy trên thị trường thép có sự cạnh tranh gay gắt giữa thép nhập khẩu và thép sản xuất trong nước; giữa các doanh nghiệp cùng ngành trong việc sản xuất và phân phối thép.

7.2. Rủi ro biến động giá

Là Công ty thương mại chuyên kinh doanh thép, hiệu quả của Công ty chịu tác động rất lớn của biến động giá thép trên thị trường thế giới và trong nước. Trong năm 2023, giá thép thế giới tăng mạnh trong Quý I, sang đầu Quý II/2023 quay đầu giảm và duy trì xu hướng giảm trong những tháng tiếp theo, đến tháng 11/2023 mới tăng trở lại. Giá thép trong nước phản ứng và điều chỉnh rất nhanh theo giá thép trên thế giới. Đối với thép nhập khẩu, giá trong nước thường thấp hơn giá chào hàng nhập khẩu tại cùng thời điểm. Khi giá có xu hướng xuống thì hàng về đến Việt nam có giá cao hơn giá thị trường trong nước do phải ký hợp đồng trước từ 2 - 3 tháng. Giá xuống khiến cho việc tiêu thụ chậm lại, càng gia tăng áp lực tài chính từ hàng hóa tồn kho. Chính vì vậy, công tác nghiên cứu, phân tích thị trường là quan trọng hàng đầu đối với Công ty. Đây là cơ sở để đưa ra các kế hoạch mua bán, dự trữ hàng hoá phù hợp với diễn biến thị trường để tối ưu hoá lợi nhuận.

7.3. Rủi ro chính sách, pháp luật

Các chính sách điều hành kinh tế, chính trị quan trọng của Chính phủ cũng như các quy định đặc thù đối với ngành thép đều có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động quản trị và kinh doanh của Công ty. Sự thay đổi các chính sách tiền tệ tín dụng, chính sách thuế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp... có thể đem lại thuận lợi hoặc rủi ro về mặt pháp lý đối với từng doanh nghiệp trong quá trình thực hiện. Ví dụ như việc siết chặt dòng vốn từ việc phát hành trái phiếu từ Nghị định 65 đã ảnh hưởng đến việc huy động vốn từ trái phiếu của các doanh nghiệp Bất động sản, làm cho ngành Bất động sản tăng trưởng chậm lại khiến cho nhu cầu sử dụng thép cũng giảm theo. Hoặc việc áp dụng biện pháp chống lẩn tránh biện pháp phòng vệ thương mại đối với các sản phẩm thép cuộn, thép dây nhập khẩu hiện hành... Vì vậy doanh nghiệp phải thường xuyên cập nhật các chính sách quan trọng có liên quan trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của mình để triển khai kịp thời và có hiệu quả. Công ty luôn đề cao việc tuân thủ các quy định của pháp luật trong việc điều hành, quản trị Công ty. Công ty đang sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật để thường xuyên cập nhật các văn bản mới nhất về các lĩnh vực liên quan và hỗ trợ các hoạt động pháp lý cần thiết.

7.4. Rủi ro tài chính, tín dụng

Về tài chính, lãi suất vay ngân hàng và tỷ giá hối đoái là những yếu tố chính ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của Công ty.

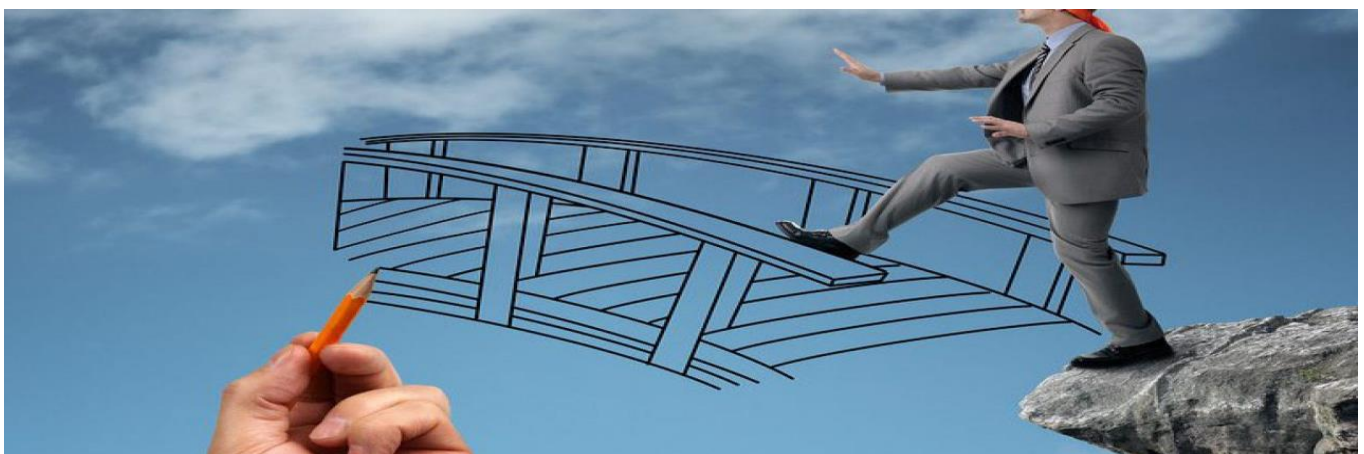
Về lãi suất cho vay, thời điểm đầu năm, thị trường lãi suất diễn ra cuộc đua hút khách gửi tiền giữa các ngân hàng. Lãi suất tiết kiệm cao kéo theo lãi vay cũng tăng lên mức cao. Để kéo mặt bằng lãi suất đi xuống, từ tháng 3 - 6.2023, NHNN đã ra 4 quyết định giảm lãi suất điều hành với tổng mức giảm khoảng 2%. Động thái này đã dần giúp thị trường lãi suất hạ nhiệt nhưng chủ yếu ở đầu huy động, còn với lãi vay thì các ngân hàng thương mại chỉ điều chỉnh giảm nhỏ giọt. Trong 6 tháng đầu năm 2023, lãi suất vay vốn bình quân của Công ty đã tăng thêm 3,1% so với cùng kỳ.

Về tỉ giá, nửa đầu năm 2023 tỉ giá USD/VND dao động trong vùng giá ổn định, bước sang quý III/2023, thị trường chứng kiến đà tăng mạnh mẽ của tỉ giá. Nguyên nhân xuất phát từ xu thế ngược pha trong chính sách tiền tệ giữa Mỹ và Việt Nam. Trong khi Mỹ thắt chặt chính sách tiền tệ trong 02 năm qua để kiểm soát lạm phát thì Việt Nam lại có xu hướng nới lỏng nhằm hỗ trợ nền kinh tế, dẫn đến chênh lệch lãi suất VND và USD âm, kết hợp với việc chỉ số USD Index (DXY) liên tục tăng mạnh trong thời gian gần đây dẫn tới áp lực tỉ giá liên tục gia tăng. Sau các nỗ lực của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, tỉ giá trung tâm ngày 28/12/2023 trở về mốc 23.904 VND/USD, sau khi đạt đỉnh ở mốc 24.110 VND/USD vào tháng 10/2023. Để hạn chế tác động của tỷ giá lên hiệu quả kinh doanh, Công ty đã thường xuyên bám sát diễn biến tỷ giá, sử dụng các công cụ phái sinh tiền tệ, lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp trong từng giai đoạn.

Về rủi ro tín dụng: Công ty áp dụng chính sách bán hàng trả chậm đối với các nhóm khách hàng. Ở vị thế khách hàng, chính sách tín dụng mang lại lợi ích giúp giảm áp lực thanh toán tiền ngay. Tuy nhiên, ở vị thế là nhà cung cấp, tín dụng bán hàng có rủi ro khi đối tác mất khả năng trả nợ. Để phòng ngừa rủi ro này, Công ty thực hiện đánh giá xếp loại năng lực tài chính, khả năng tiêu thụ, uy tín của từng khách hàng để xác định hạn mức bán hàng trả chậm. Định kỳ đánh giá lại năng lực tài chính, uy tín của khách hàng nhằm có chính sách thích hợp cho từng đối tượng.

7.5. Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã đề cập ở trên, còn nhiều rủi ro mang tính bất khả kháng mà khi xảy ra có thể ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh và lợi nhuận của Công ty như chiến tranh, hỏa hoạn, bão lụt, các thiên tai khác...



II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023	Thực hiện 2023	% TH2023 / KH2023	% TH2023 / TH2022
Doanh thu thuần	3.411,48	3.325,00	3.119,52	93,82%	91,44%
Chi phí	3.405,96	3.300,00	3.093,67	93,75%	90,83%
Lợi nhuận trước thuế	5,52	25,00	25,85	103,39%	468,03%
Lợi nhuận sau thuế	3,13	20,00	21,15	105,75%	676,29%

1.2. Cơ cấu doanh thu và sản lượng

ST T	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022		Năm 2023		% TH2023 / TH2022
			Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
A	Doanh thu thuần	Tỷ đồng	3.411,48	100,00%	3.119,52	100,00%	91,44%
1	Doanh thu hàng hoá	Tỷ đồng	3.339,87	97,90%	3.040,36	97,46%	91,03%
2	Doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	71,61	2,10%	79,15	2,54%	110,53%
B	Tổng sản lượng	Tấn	196.210	100,00%	205.812	100,00%	104,89%
1	Thép nhập khẩu	Tấn	56.453	28,77%	48.430	23,53%	85,79%
2	Thép xây dựng	Tấn	124.777	63,59%	137.189	66,66%	109,95%
3	Phôi, phế liệu	Tấn	14.980	7,64%	20.193	9,81%	134,80%

1.3. Nhận xét tình hình hoạt động kinh doanh năm 2023

Năm 2023, thị trường thép với nhiều biến động về giá cả làm cho các doanh nghiệp trong ngành gặp không ít khó khăn trong công tác dự báo cũng như hoạt động kinh doanh. Mặc dù gặp nhiều khó khăn trong công tác kinh doanh Công ty Cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh - Vnsteel đã tận dụng triệt để mọi cơ hội kinh doanh trên thị trường để mang lại hiệu quả cao từ các hoạt động kinh doanh của Công ty, lợi nhuận sau thuế tăng 6,76 lần so với năm trước, đạt 21 tỷ đồng vượt kế hoạch đề ra.

Kết thúc năm 2023, tổng sản lượng của Công ty đạt 205.812 tấn bằng 104,89% so với năm trước. Tuy có sự tăng trưởng về sản lượng nhưng doanh thu thuần của Công ty trong năm 2023 là 3.120 tỷ đồng chỉ đạt gần 92% so với năm 2022 do giá bán giảm.

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Danh sách Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số lượng CP năm giữ	Tỷ lệ
1	Dương Trung Toàn	Chủ tịch HĐQT	0	0
2	Võ Trí Nghĩa	Thành viên HĐQT- Tổng Giám đốc	0	0
3	Trương Bá Liêm	Thành viên HĐQT – Không điều hành	78	0
4	Cù Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT – Không điều hành	0	0
5	Phạm Mạnh Hùng	Thành viên độc lập của HĐQT	2.600	0,01%

2.1.1. Lý lịch Hội đồng quản trị

Ông Dương Trung Toàn

Năm sinh: 1969

Trình độ: Cử nhân Tài chính

Chức vụ hiện tại: Chủ tịch Hội đồng quản trị

Số cổ phần năm sở hữu cá nhân: Không có

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Tổng giám đốc Công ty cổ phần Thép tấm Miền Nam

Quá trình công tác:

- 1991 – 1995: Kế toán Tổng hợp nhà máy thép Thủ Đức
- 1995 – 2002: Kế toán trưởng, Phó trưởng phòng tổng hợp Công ty SXSP mạ CN Vingal
- 2002 – 2003: Phó phòng, Trưởng phòng TC-KT Nhà máy thép Tân Thuận
- 2004 – 2007: Trưởng phòng TC-KT BQLDA NM thép cán nguội Phú Mỹ, Trưởng phòng TC-KT Công ty thép tấm lá Phú Mỹ
- 2007 – 2009: Kế toán trưởng, phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Thép Essar-Việt Nam
- 2009 – 2013: Tổng Giám đốc Công ty cổ phần thép tấm Miền Nam
- 2013 – 2014: Phó trưởng ban TC-KT Tổng Công ty Thép Việt Nam-CTCP
- 2014 – 2015: Phó Tổng Giám đốc Công ty TNHH MTV Thép tấm lá Phú Mỹ-VNSTEEL
- 2015 – 2018: Phó Tổng Giám đốc thứ nhất Công ty TNHH Thép Vina Kyoel
- 2018 – Nay: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM – VNSTEEL
- 2019 – nay: Tổng giám đốc Công ty CP Thép tấm Miền Nam

Ông Võ Trí Nghĩa

Năm sinh: 1979

Trình độ: Kỹ sư luyện kim, Cử nhân kinh tế đối ngoại

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: Không có

Quá trình công tác:

- 2002 – 2005: Chuyên viên kinh doanh-Tổng Công ty Thép Việt Nam
- 2005 – 2010: Chuyên viên phòng Vật tư Xuất nhập khẩu – Tổng Công ty thép Việt Nam
- 2010 – 2011: Trưởng phòng Vật tư XNK - Công ty cổ phần Tôn mạ VNSteel Thăng Long
- 2011 – 2015: Trưởng phòng KHKD- Công ty cổ phần tôn mạ VNSteel Thăng Long
- 2015 – 2016: Phó Tổng Giám đốc-Công ty cổ phần Tôn mạ VNSteel Thăng Long
- 2016 – 2019: Thành viên HĐQT/Phó TGD-Công ty cổ phần Tôn mạ Thăng Long
- 2019 – Nay: Tổng Giám đốc-Công ty cổ phần Kim khí TP.HCM-VNSTEEL

Ông Trương Bá Liêm

Năm sinh: 1963

Trình độ: Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Kỹ sư chế tạo máy

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 78

Quá trình công tác:

- 1987 – 1993: Chuyên viên kỹ thuật tại Công ty Kim khí Miền Trung
- 1993 – 1998: Cửa hàng trưởng, phó giám đốc Xí nghiệp trực thuộc Công ty Kim Khí Miền Trung
- 1998 – 1999: Giám sát kinh doanh khu vực Miền Trung tại Công ty Mercedes - Benz Việt Nam
- 2001 – 2003: Phó P.KHKD Công ty Vật tư Thiết bị Công nghiệp
- 2003 – 2021: Phó TGD Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM - VNSTEEL
- 2014 – Nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM – VNSTEEL

Bà Cù Thị Thùy Linh

Năm sinh: 1977

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện tại: Thành viên Hội đồng quản trị – Không điều hành

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: Không có

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: Phó ban KHTT Tổng Cty Thép VN, TV BKS Cty CP Thép Nhà Bè - VNSTEEL, TV HĐQT Cty CP Thép Đà Nẵng

Quá trình công tác:

- 1999 – 2003: Nhân viên Phòng Kinh doanh, Công ty Điện tử Samsung Vina
- 2003 – 2007: Chuyên viên P.KHKD - Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP
- 2007 – 2014: Chuyên viên Ban Vật tư XNK - Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP
- 2014 – 2015: Chuyên viên Ban Kế hoạch thị trường - TCty Thép Việt Nam – CTCP
- 2016 – nay : Phó trưởng Ban Kế hoạch thị trường - Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP
- 2018 – nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM – VNSTEEL

Ông Phạm Mạnh Hùng

Năm sinh: 1962

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện tại: Thành viên độc lập của Hội đồng quản trị

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 2600 cổ phiếu

Quá trình công tác:

- 1987 – 2003: Trưởng P.KHKD Công ty Tổng hợp Bình Định
- 2003 – 2007: Trưởng P.KHKD Sở Thương Mại Bình Định
- 2008 – 2011: Trưởng phòng KHTH và Phó TGD Công ty CP Tập đoàn Hoa Sen
- 2012 – 2019: Phó TGD và TGD Công ty CP Thép Nam Kim
- 2019 – Nay: Thành viên độc lập HĐQT Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM – VNSTEEL

2.1.2. Thay đổi trong Hội đồng quản trị

Trong năm 2023 không có thay đổi trong HĐQT

2.2. Danh sách Ban kiểm soát

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Hoàng Lê Ánh	Trưởng Ban kiểm soát/ CBTT	0	0
2	Đoàn Thị Thanh Thúy	Thành viên Ban kiểm soát	2.730	0,01%
3	Trương Thị Tuyết	Thành viên Ban kiểm soát	0	0

2.2.1. Lý lịch Ban kiểm soát

Bà Hoàng Lê Ánh

Năm sinh: 1970

Trình độ: Cử nhân Tài chính và kế toán

Chức vụ hiện tại: Trưởng Ban kiểm soát, Công bố thông tin

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 0

Quá trình công tác:

- 1993 – 1997: Nhân viên kế toán tại Nhà máy cơ khí Luyện Kim thuộc Công ty Thép Miền Nam
- 1997 – 2003: Nhân viên kế toán Nhà máy thép Nhà Bè
- 2003 – 2006: Kế toán trưởng Nhà máy thép Nhà Bè
- 2007 – 2010: Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè
- 2010 – 2014: Chuyên viên P.TCKT Tổng Công ty Thép VN
- 2012 – 2015: Trưởng ban kiểm soát Công ty Cơ khí Luyện Kim
- 2012 – 2015: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Thép Tân Thuận
- 2012 – Nay: Trưởng Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM

Bà Đoàn Thị Thanh Thúy

Năm sinh: 1978

Trình độ: Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 2.730 cổ phiếu

Quá trình công tác:

- 2002 – 2007: Kế toán Công ty TNHH Thái Nam
- 2007 – T4/2018: Kế toán trưởng Công ty TNHH TMDV Điện Tử Viễn Thông Trần Anh
- 2013 – Nay: Nhân viên Ban quản lý tòa nhà nay là P.ĐT& KDBĐS - Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM- Vnsteel
- 2016 – Nay: Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Kim Khí TP.HCM- VNSTEEL

Bà Trương Thị Tuyết

Năm sinh: 1981

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện tại: Thành viên Ban kiểm soát

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: 0

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: : TV BKS TCty Thép Việt Nam –CTCP, Trưởng BKS Cty CP Thép Đà Nẵng, TV HĐQT Công ty CP Lưới thép Bình Tây

Quá trình công tác:

- 2005 – 2007: Kế toán viên Công ty CP Xây dựng và Phát triển cơ sở hạ tầng
- 2008 – 2011: Phụ trách phòng kế toán Công ty CP Đầu tư và Thẩm định giá Dầu khí PVI
- 2011 – 2013: Phó phòng kế toán Công ty CP Xây dựng và Phát triển Cơ sở hạ tầng
- 2013 – 2017: Trưởng phòng Công ty cổ phần Quản lý Đầu tư và Phát triển
- 2017 – 2017: Kế toán trưởng Công ty cổ phần Phát triển Thương mại và Xây lắp Toàn Cầu
- 2018 – 2023: Chuyên viên Ban Tài chính Kế toán Tổng Công ty Thép Việt Nam – CTCP
- 2023 – nay : Thành viên Ban Kiểm soát Tổng Công ty Thép Việt Nam -CTCP

2.2.2. Thay đổi trong Ban kiểm soát

Trong năm Công ty không có thay đổi trong Ban kiểm soát

2.3. Danh sách Ban điều hành

STT	Thành viên Ban điều hành	Chức vụ	Số lượng CP nắm giữ	Tỷ lệ
1	Võ Trí Nghĩa	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	0	0
2	Lại Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc	0	0
3	Lê Thị Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	0	0
4	Nguyễn Thị Hồng Mây	Kế toán trưởng	0	0

2.3.1. Lý lịch Ban điều hành

Ông Võ Trí Nghĩa

Vui lòng xem mục Hội đồng quản trị

Ông Lại Văn Quyền

Năm sinh: 1978

Trình độ: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: Không có

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: TV HĐQT Công ty CP Thép Tấm lá Thống Nhất

Quá trình công tác:

- 2003 – 2006: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH BOT cầu Rạch Miễu
- 2006 – 2008: Chuyên viên Tổng Công ty XDCT giao thông 1
- 2008 – 2013: Kế toán trưởng Công ty cổ phần xây dựng công trình 675
- 2013 – 2016: Chuyên viên bộ phận kế toán Công ty TNHH Thép Vinakyoel
- 2016 – 2017: Quyền phó bộ phận kế toán Công ty TNHH Thép Vinakyoel
- 2017 – 2017: Nhân viên kế toán Công ty cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh-VNSTEEL
- 2017 – 2019: Phó phòng TCKT- Công ty cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh-VNSTEEL
- 2019 – 2022: Kế toán trưởng- Công ty cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh-VNSTEEL
- 2022 – Nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh-VNSTEEL

Bà Lê Thị Nguyệt

Năm sinh: 1974

Trình độ: Kỹ sư luyện kim

Chức vụ hiện tại: Phó Tổng Giám đốc

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: Không có

Quá trình công tác:

- 2000 - 2002: Nhân viên Công ty liên doanh sản xuất Thép Việt Úc
- 2002 - 3/2005: Nhân viên Công ty TNHH Thép Miền Nam
- 4/2005 - 12/2006: Phó phòng TCHC Cty TNHH Thép Miền Nam
- 1/2007- 10/2015: Phó phòng Kế hoạch Vật tư Công ty TNHH Thép Miền Nam - VNSTEEL
- 11/2015 -10/2022: Trưởng phòng Kế hoạch Vật tư Công ty TNHH Thép Miền Nam
- Từ 11/2022 – nay: Phó Tổng giám đốc Công ty cổ phần Kim Khí TP.HCM - VNSTEEL.

Bà Nguyễn Thị Hồng Vân

Năm sinh: 1982

Trình độ: Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện tại: Kế toán trưởng

Số cổ phần nắm sở hữu cá nhân: Không có

Chức vụ tại Công ty khác/ tổ chức khác: TV BKS Công ty CP Thép Tầm lá Thống Nhất

Quá trình công tác:

- 7/2005 - 7/2007: Kế toán viên Công ty TNHH Uni- President Việt Nam
- 8/2007 - 12/2010: Kế toán tổng hợp Công ty TNHH Bách Khoa
- 1/2011 - 3/2016: Tổ trưởng kế toán Xí nghiệp 6, Cty CP Kim Khí TP.HCM - VNSTEEL.
- 4/2016 - 7/2018: Kế toán tổng hợp Công ty CP Kim Khí TP.HCM - VNSTEEL.
- 8/2018 - 5/2022: Phó phòng TCKT Công ty CP Kim Khí TP.HCM - VNSTEEL.
- 6/2022 - 1/2023: Trưởng phòng TCKT Công ty CP Kim Khí TP.HCM - VNSTEEL.
- Từ 1/2/2023 - nay: Kế toán trưởng Công ty CP Kim Khí TP.HCM - VNSTEEL.
- 9/2016 – nay: TV Ban kiểm soát Công ty CP Thép Tầm lá Thống Nhất

2.3.2. Thay đổi trong Ban điều hành

STT	Tên	Chức vụ tại Công ty	Thời điểm bắt đầu là người nội bộ	Thời điểm không còn là người nội bộ	Lý do
1	Nguyễn Thị Hồng Vân	Kế toán trưởng	1/2/2023		Bổ nhiệm

2.4. Tình hình cán bộ, nhân viên (31/12/2023)

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023	
	Số lượng (người)	Tỷ trọng	Số lượng (người)	Tỷ trọng
Theo trình độ lao động	165	100%	158	100%
Trên Đại học	1	1%	1	1%
Đại học, Cao đẳng	97	59%	96	61%
Trung cấp, sơ cấp	17	10%	18	11%
Công nhân kỹ thuật	2	1%	2	1%
Lao động phổ thông	48	29%	41	26%
Theo tính chất hợp đồng lao động	165	100%	158	100%

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023	
	Số lượng (người)	Tỷ trọng	Số lượng (người)	Tỷ trọng
Thời vụ	8	5%	4	3%
Có thời hạn	33	20%	30	19%
Không xác định thời hạn	124	75%	124	78%
Theo giới tính	165	100%	158	100%
Nam	111	67%	106	67%
Nữ	54	33%	52	33%

2.4.1. Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số lượng người lao động	181	165	158
Thu nhập bình quân Người/ Tháng	25.995.000	14.560.000	21.190.000

2.4.2. Chính sách đối với người lao động

Về môi trường làm việc

Công ty luôn quan tâm đến việc bảo đảm các quyền và lợi ích chính đáng cho người lao động. Một số quyền lợi của người lao động được thực hiện ở mức cao hơn so với pháp luật quy định. Cải thiện điều kiện làm việc, mua sắm đầy đủ trang bị bảo hộ lao động, tăng cường công tác PCCC và vệ sinh an toàn lao động. Chăm lo đời sống cho người lao động, kịp thời động viên, hỗ trợ vật chất và tinh thần cho người lao động nhất là các dịp lễ tết, sinh nhật... Công tác chăm sóc sức khỏe người lao động được đặc biệt quan tâm, tổ chức tốt việc khám sức khỏe định kỳ. Tổ chức các hoạt động tham quan du lịch, team building để người lao động thư giãn , giao lưu, chia sẻ và tăng cường tình đoàn kết.

Về lương, thưởng, phúc lợi và đãi ngộ

Năm 2023, Công ty tiếp tục thực hiện trả lương dựa trên hệ thống trả lương cho người lao động theo phương pháp 3P, đã được xây dựng từ năm 2016, nhằm xác lập các nguyên tắc trả lương thống nhất với từng cá nhân, từng bộ phận nhằm khuyến khích người lao động (NLD) làm việc, hoàn thành tốt công việc theo chức danh. Tiền lương và thu nhập của mỗi NLD phụ thuộc vào năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc và tiềm năng cống hiến của NLD phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty và cạnh tranh so với thị trường lao động. Thu nhập của CBCNV bao gồm: Lương cố định, Lương hiệu quả, Các khoản phụ cấp (nếu có), tiền thưởng. Mức lương của một cá nhân phải nằm trong dải lương quy định trong hệ thống thang – ngạch lương của Công ty. Dải lương của một vị trí công việc là khoảng cách giữa mức lương thấp nhất (Min), mức lương trung bình (Average) và mức lương cao nhất (Max). Mỗi vị trí công việc có một dải lương tương ứng nằm trong thang bảng lương của Công ty. Hệ thống thang – ngạch lương

có thể được điều chỉnh, bổ sung khi có sự thay đổi từ các yếu tố bên ngoài (tốc độ lạm phát, mức lương của thị trường lao động nói chung và của ngành có liên quan nói riêng) hoặc các yếu tố bên trong (chiến lược kinh doanh, quy mô, ngân sách lương, hiệu quả kinh doanh của Công ty). Ngoài ra, Công ty còn áp dụng chính sách thưởng theo hiệu quả công việc của cá nhân, theo năng suất lao động và theo lợi nhuận của Công ty.

Về tuyển dụng

Công ty tuyển dụng dựa trên nhu cầu về vị trí và trình độ của người lao động vào thời điểm tuyển dụng. Công ty tìm kiếm nhân sự dựa trên nguyên tắc công bằng – minh bạch, có những phẩm chất tốt và có trình độ chuyên môn kỹ thuật, tay nghề nhằm có thể gắn bó lâu dài với Công ty.

Về đào tạo

Để nâng cao năng lực cạnh tranh của Công ty, mỗi cá nhân của Công ty đều phải là một cá thể có năng lực cạnh tranh tốt. Chính vì vậy, Ban lãnh đạo Công ty luôn tạo cơ hội để CBCNV tham gia các lớp đào tạo nghiệp vụ, đào tạo nội bộ. Công ty chú trọng công tác đào tạo nhằm nâng cao năng lực quản lý, nâng cao nghiệp vụ chuyên môn, đặc biệt là công tác đào tạo nâng cao kỹ năng bán hàng, kỹ năng quản trị và thu hồi công nợ cho đội ngũ bán hàng.



3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

3.1. Các khoản đầu tư lớn

Tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2023, Công ty đã đưa vào sử dụng 02 bộ cổng trục 15T và 30T tại Linh Trung, Thủ Đức; thiết kế, chế tạo đòn gánh cầu thép tấm tại Linh Trung và Vĩnh Lộc; triển khai phương án cải tạo mặt bằng kho Vĩnh Lộc, chống dột kho Linh Trung.

Về Dự án kho Miền Tây: năm 2023, ĐHĐCĐ đã phê duyệt kế hoạch thực hiện dự án với tổng kinh phí 60 tỷ đồng, trong đó dự kiến mua đất 40 tỷ đồng, xây dựng và mua sắm thiết bị 20 tỷ đồng. Công ty đã tiến hành các bước triển khai thực hiện dự án theo quy định. Trong quá trình thực hiện, sau khi xem xét các yếu tố liên quan, Hội đồng quản trị thống nhất chủ trương lập báo cáo nghiên cứu khả thi dự án đầu tư trên cơ sở đất thuê. Như vậy tổng mức đầu tư của Dự án có thay đổi so với dự kiến ban đầu là mua đất thực hiện dự án.

Tình hình các khoản đầu tư tài chính

Góp vốn đầu tư vào Công ty CP Thép Tấm Lá Thống Nhất 14 tỷ đồng. Tổng số tiền trích lập dự phòng trích lập đến 31/12/2023 là: 14 tỷ đồng, không đổi so với thời điểm cuối năm trước (theo số liệu BCTC Thép Tấm Lá Thống Nhất lũy kế đến ngày 31/12/2023 vẫn còn là 171 tỷ đồng).

Cổ phiếu Thép Nhà Bè: Số lượng cổ phiếu tại ngày 31/12/2023 là 1.449.000 cổ phiếu. Giá tham chiếu bình quân trong 30 ngày giao dịch liền kề gần nhất của cổ phiếu TNB trước ngày 31/12/2023 là: 10.300 đồng/cp, thấp hơn giá trên sổ kế toán (15.873 đồng/cp) nên Công ty trích lập dự phòng đến ngày 31/12/2023 là 8,08 tỷ đồng, tăng thêm 3,33 tỷ đồng so với 31/12/2022.

3.2 Đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết

Không có Công ty con, Công ty liên kết

4. Tình hình tài chính

Đơn vị: Tỷ đồng

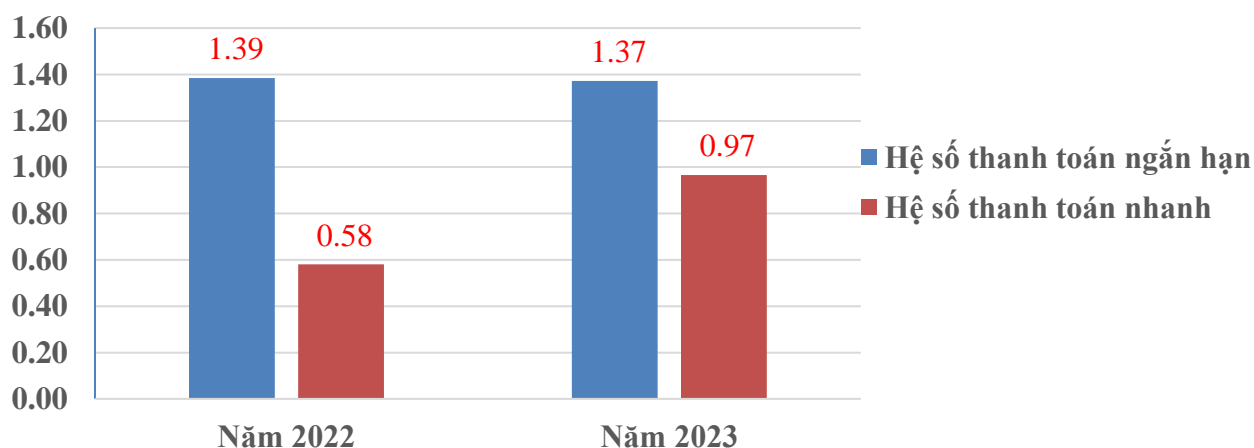
Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	% 2023/2022
Tổng giá trị tài sản	1.144,87	1.279,88	111,79%
Doanh thu thuần	3.411,48	3.119,52	91,44%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3,99	24,83	622,91%
Lợi nhuận khác	1,54	1,02	66,44%
Lợi nhuận trước thuế	5,52	25,85	468,03%
Lợi nhuận sau thuế	3,13	21,15	676,29%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	-	Dự kiến 5%	-

4.1. Chi tiêu tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,39	1,37
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,58	0,97
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số nợ/Tổng tài sản	%	66,59	68,46
Hệ số nợ/Vốn chủ sở hữu	%	199,28	217,05
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	4,74	6,46
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,84	2,57
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,09	0,68
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0,72	5,38
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0,26	1,74
Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	0,12	0,80

4.2. Nhận xét chỉ tiêu tài chính

4.2.1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán

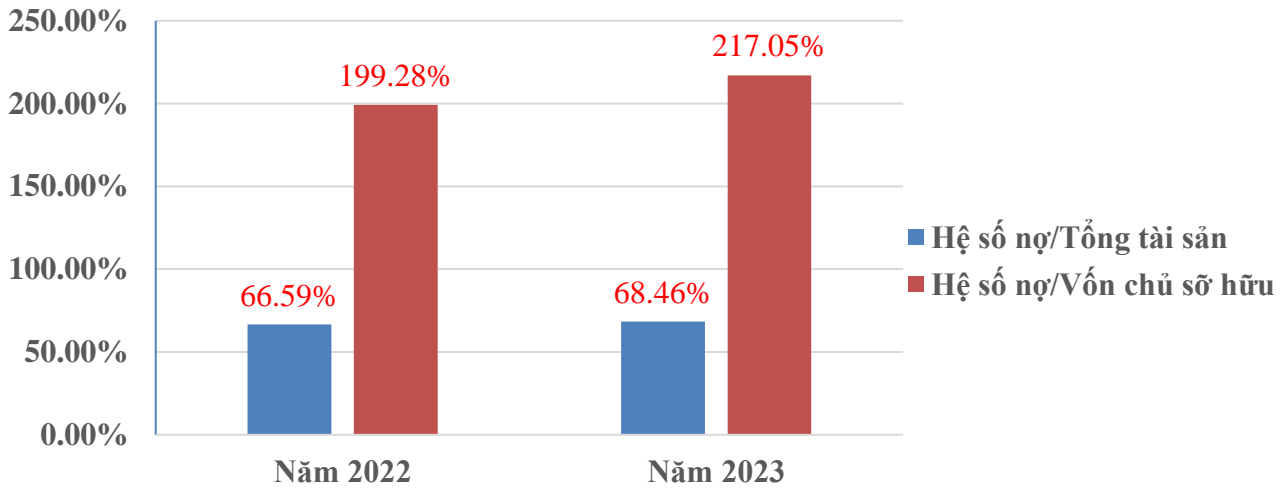


Năm 2023, hệ số thanh toán ngắn hạn của Công ty duy trì ở mức 1,37 lần; hệ số thanh toán nhanh đã tăng từ 0,58 lần ở năm 2022 lên 0,97 lần vào năm 2023.

Năm 2023, Công ty đã gia tăng dự trữ tiền mặt trong cơ cấu tài sản của Công ty, qua đó giúp chỉ số thanh khoản của Công ty duy trì ở mức ổn định so với các năm trước. Trong bối cảnh nền kinh tế gặp khó khăn, các hoạt động xây dựng bị gián đoạn kéo theo nhu cầu vật liệu sắt, thép xây dựng tại các dự án

thấp, việc duy trì tỷ trọng các tài sản có tính thanh khoản cao giúp Công ty chủ động hơn trong việc nắm bắt các cơ hội kinh doanh và đầu tư trên thị trường.

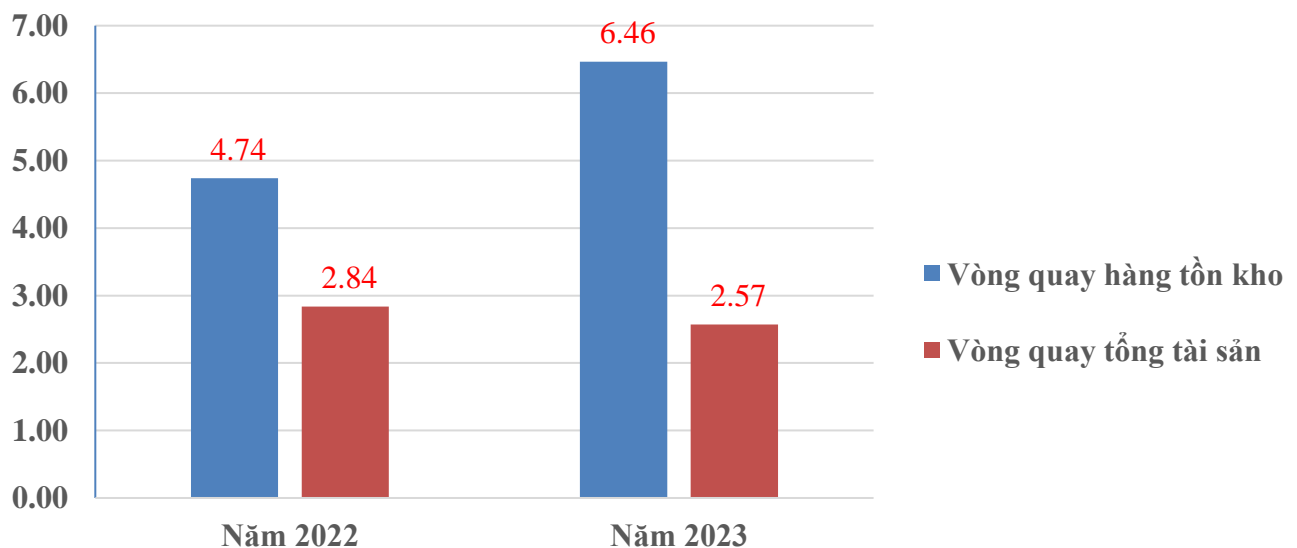
4.2.2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Hệ số nợ/Tổng tài sản của Công ty đã tăng lên mức 68,46% trong năm 2023. Nguyên nhân là do Nợ ngắn hạn phải trả của Công ty năm 2023 đạt 850,73 tỷ đồng, tăng 15,11%. Chiếm chủ yếu trong cơ cấu nợ ngắn hạn của Công ty là khoản phải trả ngắn hạn khác đạt gần 151 tỷ đồng, tăng 215% chủ yếu là phải trả cho ngân hàng để thanh toán L/C cho đối tác; khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn xấp xỉ 531 tỷ đồng, tăng hơn 13% so với năm trước.

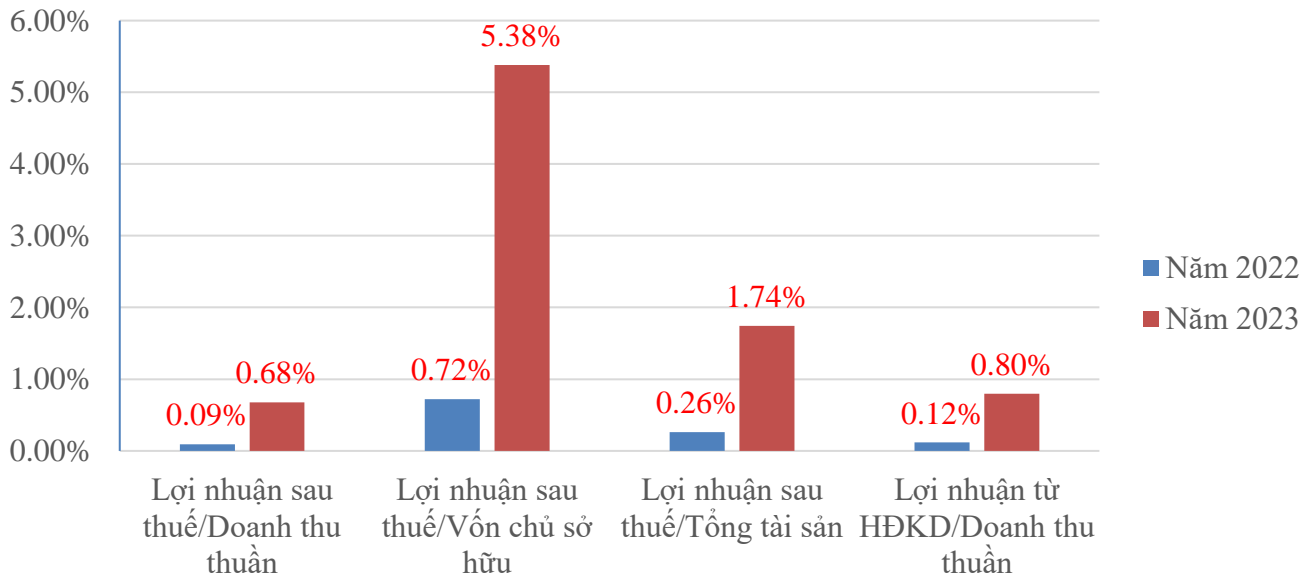
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu năm 2023 của Công ty là 217,05%, tiếp tục tăng hơn so với năm 2022. Nguồn vốn hoạt động của Công ty tiếp tục được tài trợ chủ yếu bởi nợ vay và phải trả người bán ngắn hạn, tất cả các khoản nợ này đều được Công ty thanh toán đúng hạn, điều này cho thấy uy tín của HMC với đối tác là các ngân hàng và nhà cung cấp trên thị trường kinh doanh của Công ty

4.2.3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Vòng quay hàng tồn kho của Công ty đã tăng từ mức 4,74 vòng ở năm 2022 lên 6,46 vòng. Nguyên nhân đến từ việc tiết giảm hàng tồn kho trong kỳ, so với cuối kỳ trước hàng tồn kho của Công ty đã giảm 42,04%. Đối với Vòng quay tổng tài sản, chỉ số này giảm do Doanh thu thuần của Công ty đã giảm 8,56%, nguyên nhân là giá bán giảm.

4.2.4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời



Các hệ số về Chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty trong năm qua đều tăng mạnh so với năm 2022. Nguyên nhân là do Lợi nhuận sau thuế của Công ty tăng mạnh, từ 3,13 tỷ đồng vào năm 2022 lên 21,15 tỷ đồng vào năm 2023.

Hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản (ROA) là 1,74%, cải thiện rất đáng kể so với 0,26% năm 2022, cho thấy khả năng phát huy hiệu quả mọi nguồn lực của Công ty để đem lại lợi nhuận cao nhất. Ấn tượng nhất là ROE (Hệ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân), thước đo khả năng sinh lời trên nguồn vốn của cổ đông của công ty trong năm 2023 đã có mức tăng vượt bậc so với 2022, đạt 5,38%. Những chỉ số trên là thành quả rất đáng tự hào của tập thể Ban lãnh đạo và đội ngũ nhân viên Công ty trong một năm 2023 nhiều biến động.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 27.299.999

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 27.299.999

Số lượng cổ phiếu quỹ: 0

Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng: 0

Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/ cổ phiếu

5.2. Danh sách cổ đông lớn (Tại ngày 29/12/2023)

STT	Tên	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)
1	Tổng công ty Thép Việt Nam	15.197.741	55,67%
2	Nguyễn Thị Thuý Ly	1.902.100	6,97%

5.3 Cơ cấu cổ đông (Tại ngày 29/12/2023)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ sở hữu
I	Cổ đông nhà nước	-	-	-
II	Cổ đông lớn (Từ 5% trở lên)	17.099.841	170.998.410.000	62,64%
1	Trong nước	17.099.841	170.998.410.000	62,64%
2	Nước ngoài	-	-	-
III	Cổ đông khác	10.200.158	102.001.580.000	37,36%
1	Trong nước	10.080.418	100.804.180.000	36,92%
2	Nước ngoài	119.740	1.197.400.000	0,44%
IV	Cổ phiếu quỹ	-	-	-
Tổng cộng (I + II + III + IV)		27.299.999	272.999.990.000	100%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 0%

5.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm Công ty không có thay đổi về vốn điều lệ

5.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ : Không có

5.5. Các chứng khoán khác: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường

Công ty Cổ Phần Kim Khí Thành Phố Hồ Chí Minh – VNSTEEL là Công ty hoạt động chủ yếu ở lĩnh vực thương mại, nên sự phát thải khí nhà kính ra môi trường cả trực tiếp và gián tiếp được đánh giá là không lớn. Công ty đã luôn chủ động sử dụng hiệu quả các năng lượng đầu vào nhằm giảm thiểu tác động lên môi trường một cách gián tiếp và nhằm giảm chi phí trong quá trình hoạt động. Ngoài ra, Công ty cũng có hoạt động gia công sắt thép với quy mô nhỏ và cũng được Công ty kiểm soát tốt trong quá trình sản xuất nhằm giảm thiểu tác động xấu đến môi trường.

Bảng tính tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp.:

Phạm vi và danh mục	ĐVT	Tổng lượng tiêu thụ trong năm	Lượng phát thải/năm (tons CO2 eq.)
Phạm vi 1: Phát thải trực tiếp			
- Xăng dùng cho xe công ty	lít	11.068	25.45
- Dầu Diesel dùng cho xe công ty	lít	2.438	6.63
- Dầu Diesel dùng cho máy phát điện	lít	735	1.97
- Dầu Diesel dùng cho xe nâng	lít	8.005	23.32
- Gas dùng cho hệ thống lạnh	kg	118,8	248.05
- Phát thải từ nước thải (theo đầu người)	Người/tháng	162	6.72
Tổng lượng phát thải trực tiếp			312.14
Phạm vi 2: Phát thải gián tiếp			
- Điện	kwh	1.903.807	1374.74

Công ty ý thức việc phát triển doanh nghiệp luôn đi kèm với phát triển bền vững môi trường và xã hội. Công ty luôn có các biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính:

- Tuyên truyền việc tiết kiệm điện, chống lãng phí nước đến toàn thể cán bộ công nhân viên: Các thiết bị sử dụng điện khi không có người làm việc đều phải tắt để tiết kiệm điện, in các biển báo, poster tuyên truyền nhắc nhở cho việc tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên này.

- Tăng cường việc kiểm tra, thay thế các hệ thống đèn chiếu sáng cũ, hư hỏng bằng các thiết bị tiết kiệm năng lượng.
- Kiểm tra, bảo trì thường xuyên các thiết bị máy móc nhằm đảm bảo các thiết bị vận hành tốt và không tiêu hao năng lượng vượt mức quy định
- Phân loại chất thải tại nguồn, hạn chế tối đa việc xả rác thải ra môi trường.
- Kiểm tra định kỳ hệ thống xử lý nước thải và có các biện pháp cải tạo nhằm không những đưa các thông số không vượt quá quy chuẩn cho phép mà còn ngày càng hoàn thiện các chỉ số để cải thiện nguồn nước thải ra môi trường.
- Nêu gương, khen thưởng những cá nhân, tập thể có những sáng kiến trong việc đưa ra những giải pháp tiết kiệm năng lượng.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Trong hoạt động của Công ty, nguyên vật liệu được sử dụng chủ yếu trong hoạt động gia công sắt thép. Công ty luôn kiểm soát chặt chẽ để đảm bảo việc sử dụng nguyên vật liệu hợp lý để không gây ra thất thoát, lãng phí. Dư, phế liệu sau khi gia công được Công ty tiếp tục bán dưới dạng dư, phế liệu nên việc gia công sắt thép của công ty gần như không có tác động xấu đến môi trường.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a/ Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp

Trực tiếp: Công ty chủ yếu hoạt động trên lĩnh vực thương mại và dịch vụ nên không sử dụng nhiều máy móc thiết bị. Điện là nguồn năng lượng mà Công ty thường sử dụng nhiều nhất trong hoạt động kinh doanh dịch vụ.

Tổng lượng điện tiêu thụ của toàn công ty trong năm 2023 bao gồm các toà nhà, kho bãi là 1.903.807kwh/năm. Theo đánh giá của công ty, với mức tiêu thụ điện năng như trên là hoàn toàn phù hợp với Công ty thương mại và không thay đổi đáng kể so với năm trước.

Gián tiếp: Việc vận chuyển sản phẩm, hàng hoá nhập về hoặc giao đi đến khách hàng được Công ty sử dụng dịch vụ thuê ngoài với số lượng lớn cho một lần di chuyển nên chi phí xăng dầu tính cho phần này là không đáng kể. Các lượt đi lại của nhân viên được kết hợp trong các chuyến đi theo vùng địa lý và kết hợp với công việc từng lần, chi phí cho hoạt động này cũng không lớn và được Công ty trình bày như trên.

b/ Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả

Công ty luôn ý thức rõ ràng về việc sử dụng năng lượng giúp tiết kiệm được nguồn tài nguyên thiên nhiên bị giới hạn ngày càng nhiều, vừa cắt giảm được nguồn chi phí đầu vào của doanh nghiệp. Tại các văn phòng, nhà kho cũng được Công ty trang bị những bóng đèn tiết kiệm năng lượng và các kiến trúc được thiết kế để tận dụng ánh sáng mặt trời. Công ty cũng khuyến khích nhân viên có ý thức tiết kiệm điện, sử

dụng các thiết bị tiết kiệm điện, hưởng ứng giờ trái đất.... góp phần nhỏ vào công cuộc chung tay vào bảo vệ nguồn năng lượng.

6.4. Tiêu thụ nước

Nước là nguồn tài nguyên thiên nhiên vô cùng quý giá, nước cần cho mọi sự sống và phát triển, nước có sẵn trong thiên nhiên nhưng không vô tận. Chính vì thế tiết kiệm nước luôn luôn rất cần thiết. Ngoài việc tiết kiệm chi phí cho Công ty, tiết kiệm nước còn giúp ngăn ngừa cạn kiệt nguồn nước ngầm, ngăn ngừa ô nhiễm nước ở các lưu vực và gián tiếp tiết kiệm điện năng sản xuất ra nước sạch. Nguồn nước công ty sử dụng là từ nước thủy cục của thành phố, không sử dụng nước ngầm. Tổng lượng nước tiêu thụ cho mục đích sinh hoạt vào năm 2023 là 10.373 m³. Công ty đã có những biện pháp kiểm soát nhằm hạn chế sử dụng nước lãng phí trong Công ty, nâng cao ý thức sử dụng tiết kiệm và bảo vệ nguồn nước sạch của toàn thể cán bộ công nhân viên, vì vậy lượng nước tiêu thụ ổn định qua các năm.

6.5 Tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường

Công ty tuân thủ nghiêm ngặt các quy định bảo vệ môi trường của Nhà Nước, thường xuyên cập nhật các quy định mới của pháp luật về bảo vệ môi trường. Quan trắc môi trường theo đúng tần suất quy định và tất cả các mẫu đều đạt yêu cầu. Thực hiện Báo cáo giám sát chất lượng Môi trường định kỳ theo quy định về việc Bảo vệ Môi trường do Nhà nước Việt Nam ban hành.

Công ty đã thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, các chất thải được phân loại tại nguồn, quản lý và xử lý đạt các tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định.

Đối với chất thải rắn, nguy hại, Công ty thực hiện thu gom, phân loại và dán nhãn theo thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường. Ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom vận chuyển và xử lý các chất thải (công nghiệp và nguy hại) theo đúng yêu cầu của pháp luật.

Công ty cam kết tiếp tục thực hiện tốt các biện pháp bảo vệ môi trường, vận hành hệ thống xử lý nước thải có hiệu quả nhằm đảm bảo chất lượng nước thải đầu ra đạt tiêu chuẩn trong giới hạn cho phép trước khi thải ra môi trường.

7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Ngoài tập trung vào hoạt động kinh doanh, Ban lãnh đạo Công ty ý thức thực hiện tốt trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương. Thông qua các hoạt động hỗ trợ, tài trợ cho các hoàn cảnh khó khăn, Công ty không chỉ san sẻ bớt những khó khăn mà họ gặp phải mà cũng đem lại hình ảnh đẹp cho Công ty. Ngoài ra, Công ty cũng đã tuyển dụng các lao động tại địa phương nhằm tận dụng nguồn lao động tại chỗ và tạo công ăn, việc làm cho họ.

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Tình hình thị trường

Thị trường thép thế giới

Thị trường thép năm 2023 đã cho thấy sự khó khăn kéo dài. Việc Trung Quốc mở cửa trở lại từ đầu năm chỉ làm cho tâm lý thị trường tích cực ở những tháng đầu năm. Nền kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn; tình trạng lạm phát cao ở nhiều nước lớn trên thế giới, một số ngân hàng lớn của Mỹ và Thụy Sĩ phá sản; Trung Quốc vẫn đang đối mặt với nguy cơ giảm phát kéo dài, nguy cơ về bong bóng bất động sản, nợ xấu và tỷ lệ thất nghiệp cao chưa thể giải quyết trong thời gian ngắn mặc dù Chính phủ Trung Quốc đã đưa ra nhiều giải pháp để kích thích tiêu dùng và khuyến khích xuất khẩu.

Nhu cầu không cải thiện đã làm cho giá thép liên tục có nhiều phiên điều chỉnh tăng/giảm trong suốt quý II, III và đầu quý IV/2023 với xu hướng giảm nhiều hơn tăng. Giá thép chỉ phục hồi nhẹ vào cuối tháng 11/2023 khi giá nguyên liệu leo thang, tồn kho giảm, nhu cầu tích trữ hàng tăng thêm để chuẩn bị cho việc tiêu thụ trong đầu năm 2024. Cuối tháng 12/2023, giá thép cuộn 3-12mm TQ mác thép Q235/SS400 chào quanh mức 575-580\$/t CFR VN, vẫn thấp hơn khoảng 30\$/t so với mức giá đầu tháng 1/2023 và thấp hơn khoảng 90\$ so với mức giá đỉnh đầu tháng 03/2023.

Thị trường thép trong nước

Đối với mặt hàng thép nhập khẩu: do ảnh hưởng xu hướng tăng của giá chào nhập khẩu nên giá tấm cắt trước kỳ nghỉ Tết nguyên đán đã tăng lên khoảng 500đ/kg so với đầu tháng 1/2023. Tuy nhiên do nhu cầu tiêu thụ yếu, dòng tiền hạn chế, tồn kho ngoài thị trường cao cộng với giá thế giới không ổn định nên giá nội địa luôn thấp hơn giá chào nhập khẩu cùng thời điểm.

Cuối tháng 12/2023, giá trong nước cũng bắt đầu nhích dần lên theo giá thế giới, tuy nhiên nhu cầu thực sự vẫn chưa khởi sắc. Giá tấm cắt SS400 3-12mm trong nước cuối năm vẫn thấp hơn gần 1.000đ/kg so với đầu năm.

Đối với thép xây dựng: Ảnh hưởng từ thị trường thế giới, giá thép xây dựng trong nước cũng nhện nhíp vào những tháng đầu năm 2023. Tuy nhiên, do nhu cầu tiêu thụ thực tế thấp nên từ giữa tháng 4 đến đầu tháng 11/2023, các nhà máy sản xuất trong nước liên tục tăng/giảm giá nhiều đợt để kích cầu với xu hướng giảm nhiều hơn tăng nhưng lượng tiêu thụ trên thị trường vẫn sụt giảm, lượng hàng tồn kho ngoài thị trường cao.

Trong khoảng từ giữa tháng 11, khi nhu cầu tăng cao do một số nhà phân phối dự trữ hàng để chuẩn bị cho việc tiêu thụ đầu năm 2024, nhiều nhà máy sản xuất thép xây dựng trong nước đẩy giá lên. Cuối năm, giá đã tăng khoảng 150-400đ/kg so với cuối tháng 9, nhưng vẫn thấp hơn khoảng 850-1.000đ/kg so với mức giá đầu tháng 1/2023.

2. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Những diễn biến thị trường năm 2023 đã cho thấy sự khó khăn chung của toàn bộ nền kinh tế; số doanh nghiệp ngưng hoạt động cũng tăng so với cùng kỳ, trong khi số doanh nghiệp thành lập mới chỉ xấp xỉ một nửa số doanh nghiệp rời khỏi thị trường; nhiều đơn vị sản xuất phải cắt giảm sản lượng, công nhân nghỉ luân phiên; tỷ lệ mất việc tại các doanh nghiệp tăng cao, nợ xấu tiếp tục có xu hướng tăng.

Nhu cầu tiêu thụ giảm làm cho việc kinh doanh gặp nhiều khó khăn; đặc biệt đối với ngành hàng thép nhập khẩu, giá trong xu hướng giảm dẫn đến giá mua trước cao hơn giá thị trường tại thời điểm hàng về; thêm vào đó, giá trong nước thường thấp hơn giá chào hàng nhập khẩu tại cùng thời điểm. Vì vậy, công ty đã giảm nhập khẩu, tăng tiêu thụ hàng nội địa, chủ động giảm tồn kho để giảm áp lực lãi vay và giảm rủi ro khi thị trường giảm giá mạnh như thời gian qua. Bên cạnh đó, Công ty cũng đa dạng hoá chủng loại, mặt hàng kinh doanh và mở rộng địa bàn kinh doanh; giảm tỷ lệ bán hàng tín chấp, tăng bán hàng có bảo lãnh và tài sản đảm bảo; rà soát, cập nhật các tiêu chí đánh giá khách hàng...Kết quả, Công ty đã duy trì hoạt động ổn định, vượt kế hoạch lợi nhuận đề ra, việc phối hợp với các đơn vị trong hệ thống VNSteel được duy trì tốt ở các mặt hàng thép xây dựng và phôi thép.

Về kinh doanh dịch vụ, nhìn chung hoạt động cho thuê mặt bằng kho bãi và văn phòng khu vực TPHCM gặp nhiều khó khăn trong những năm qua, 2020-2021 ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, năm 2022-2023 là suy thoái kinh tế, làn sóng trả mặt bằng lan rộng và dự kiến sẽ còn khó khăn đến 2025. Bên cạnh đó, tiền thuê đất liên tục tăng thêm khoảng 13 tỷ đồng từ năm 2019 đến nay, tạo gánh nặng lớn cho Doanh nghiệp, trong khi giá thuê chưa tăng kịp mà còn phải hỗ trợ lại khách hàng. Các yếu tố trên đã làm ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh doanh của Doanh nghiệp. Tuy vậy với sự cố gắng của Công ty, doanh thu từ dịch vụ trên vẫn ổn định và tăng trưởng so với năm trước.



3. Tình hình tài chính

3.1. Tình hình tài sản

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Tỷ trọng 2022	Năm 2023	Tỷ trọng 2023	% 2023/2022
Tài sản ngắn hạn	1.023,59	89,41%	1.166,97	91,18%	114,01%
Tài sản dài hạn	121,27	10,59%	112,92	8,82%	93,11%
Tổng tài sản	1.144,86	100,00%	1.279,89	100,00%	111,79%



Tổng tài sản của Công ty, tại ngày 31/12/2023, đạt 1.279,89 tỷ đồng, tăng 11,79% so với năm trước. Trong cơ cấu tổng tài sản Công ty, biến động lớn nhất chủ yếu đến từ tài sản ngắn hạn, tăng 14,01%, từ 1.023,59 tỷ đồng năm 2022 lên mức 1.166,97 tỷ đồng, chiếm 91% cơ cấu tổng tài sản. Tài sản dài hạn của Công ty chỉ giảm nhẹ, chủ yếu là do khấu hao tài sản cố định.

Tình hình tài sản ngắn hạn

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		2023/2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tiền và các khoản tương đương tiền	51,33	5,01%	19,94	1,71%	38,84%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	9,50	0,93%	427,30	36,62%	4497,89%
Các khoản phải thu ngắn hạn	334,04	32,63%	350,68	30,05%	104,98%
Hàng tồn kho	594,82	58,11%	344,76	29,54%	57,96%
Tài sản ngắn hạn khác	33,91	3,32%	24,29	2,08%	71,64%
Tổng cộng	1.023,59	100,00%	1.166,97	100,00%	114,01%

Tài sản ngắn hạn của Công ty trong năm 2023 tăng 14,01% so với năm 2022. Trong đó, hai khoản biến động lớn nhất là khoản đầu tư tài chính ngắn hạn tăng mạnh và Hàng tồn kho giảm 42,04% so với năm

2022. Do giá thép biến động phức tạp, có chiều hướng đi xuống và nhu cầu thép trong nước cũng không còn cao, nên Công ty đã giảm lượng hàng tồn kho phù hợp với nhu cầu của thị trường. Do nhu cầu tiêu thụ giảm, nên Công ty cũng đã thay đổi chính sách bán hàng nhằm cải thiện doanh thu, do đó các khoản phải thu ngắn hạn của Công ty trong năm 2023 đã tăng 4,98% so với năm 2022. Tài sản ngắn hạn khác giảm chủ yếu là do Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ, Thuế và các khoản phải thu Nhà nước giảm so với năm 2022.

Tình hình tài sản dài hạn

Đơn vị: Tỷ đồng

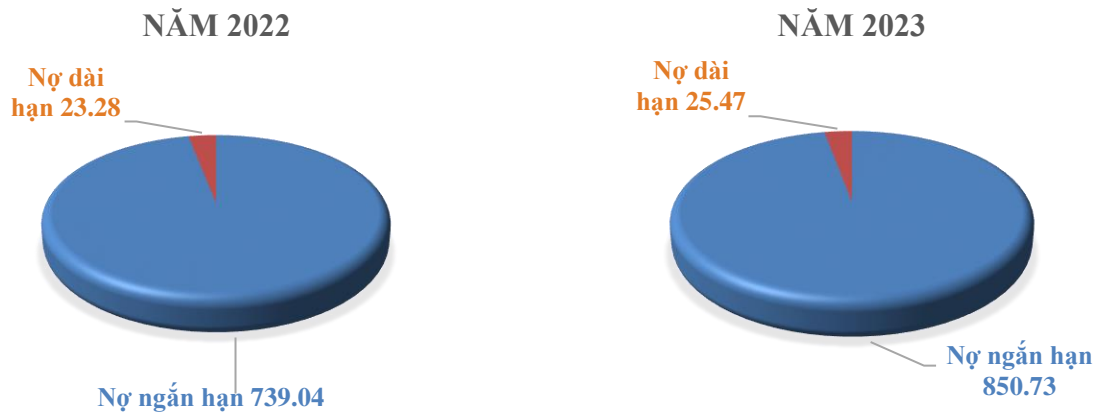
Chỉ tiêu	Năm 2022		Năm 2023		2023/2022
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Các khoản phải thu dài hạn	0,16	0,13%	0,16	0,14%	100,00%
Tài sản cố định	29,91	24,67%	29,15	25,82%	97,44%
Bất động sản đầu tư	72,27	59,59%	68,68	60,82%	95,03%
Tài sản dở dang dài hạn	0,67	0,56%	0,01	0,01%	0,95%
Đầu tư tài chính dài hạn	18,26	15,05%	14,92	13,21%	81,75%
Tài sản dài hạn khác	0,00	0,00%	0,00	0,00%	-
Tổng cộng	121,27	100,00%	112,92	100,00%	93,11%

Nhìn chung, tài sản dài hạn của Công ty không có quá nhiều thay đổi trong năm 2023 so với năm 2022. Trong đó, phần đáng chú ý nhất là giá trị của Bất động sản đầu tư của Công ty đã giảm khoảng 3,59 tỷ đồng do khấu hao tại hai tòa nhà 193 Đường Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh và 189 Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Phạm Ngũ Lão, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh. Các chỉ tiêu khác chiếm tỷ trọng nhỏ và không có nhiều biến động.

3.2. Tình hình nợ phải trả

Đơn vị: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Tỷ trọng 2022	Năm 2023	Tỷ trọng 2023	% 2023/2022
Nợ ngắn hạn	739,04	96,95%	850,73	97,09%	115,11%
Nợ dài hạn	23,28	3,05%	25,47	2,91%	109,38%
Tổng nợ phải trả	762,33	100,00%	876,19	100,00%	114,94%



Nhìn chung, cơ cấu Nợ dài hạn và Nợ ngắn hạn của Công ty không thay đổi nhiều trong năm vừa qua. Trong cơ cấu Nợ ngắn hạn của Công ty, Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn của Công ty đã tăng từ 468,24 tỷ đồng ở năm 2022 lên 530,69 tỷ đồng vào năm 2023, và Phải trả ngắn hạn khác đã tăng lên mức 150,6 tỷ đồng từ 47,82 tỷ đồng ở năm 2022, điều này tác động khá lớn đến chi phí tài chính của Công ty. Tuy nhiên, nhờ tận dụng được yếu tố biến động tỷ giá USD/VND nên chi phí tài chính của Công ty giảm 3,97 tỷ đồng so với năm 2022.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

Dự báo tình hình năm 2024

Nền kinh tế toàn cầu trong năm 2024 dự kiến sẽ tiếp tục chịu ảnh hưởng nặng nề từ các bất ổn về kinh tế, chính trị trong năm 2022-2023 khi cuộc chiến tranh Nga-Ukraine chưa kết thúc lại xảy ra cuộc chiến Israel-Hamas. Ngoài ra, việc kìm chế lạm phát buộc các nước lớn như Mỹ, Châu Âu tiếp tục duy trì mức lãi suất cao sẽ ảnh hưởng đến việc tăng trưởng kinh tế; Trung Quốc cần thêm thời gian để các chính sách kích thích tăng trưởng kinh tế, phục hồi bất động sản thực thi và đi vào đời sống. Ngành thép tiếp tục được dự báo đối mặt với một năm đầy khó khăn, thách thức.

Ảnh hưởng bởi tình hình chiến sự, nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng, giá năng lượng, nguyên vật liệu có khả năng leo thang; mặc dù giá thép đã giảm nhiều và hiện đang ở mức thấp nhất so với 2 năm trở lại đây, tuy nhiên nhu cầu tiêu thụ năm 2024 dự kiến chưa thể hồi phục, đặc biệt thị trường bất động sản – ngành tiêu thụ thép lớn nhất. Vì vậy, thị trường sẽ tiếp tục biến động khó lường.

Ở trong nước, nhu cầu tiêu thụ vẫn đang là phép thử đối với nền kinh tế. Ngoài ra, việc khó khăn về dòng tiền và tiếp cận vốn vay của các doanh nghiệp vẫn chưa được tháo gỡ khi các ngân hàng vẫn đang thận trọng với nợ xấu, không hạ chuẩn cho vay. Hoạt động kinh doanh khó khăn khiến khả năng hấp thụ vốn của doanh nghiệp suy giảm do khó đáp ứng các điều kiện về tài sản đảm bảo.

Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2024

- Doanh thu: **3.036** tỷ đồng
- Sản lượng tiêu thụ: **210.000** tấn
- Lợi nhuận sau thuế: **16** tỷ đồng
- Cổ tức: **5%** Vốn điều lệ

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Ban Tổng Giám đốc nhất trí với kết quả cũng như ý kiến của Kiểm toán viên.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

6.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty đã rất quan tâm đến các vấn đề liên quan đến môi trường, từ việc sử dụng tiết kiệm năng lượng và nước đến việc xử lý những rác thải trong sinh hoạt và hoạt động kinh doanh. Các hoạt động này được thực hiện theo đúng kế hoạch được Công ty đề ra, phù hợp với chủ trương của Chính phủ và xu hướng chung của thế giới.

6.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Chúng tôi đánh giá các hoạt động liên quan đến chính sách đối với người lao động được thực hiện tốt. Công ty đã tạo điều kiện làm việc an toàn, môi trường làm việc lành mạnh, đoàn kết, thân thiện cho công nhân viên và người lao động. Các vấn đề liên quan đến quyền lợi của người lao động như lương, thưởng, đãi ngộ, chính sách lao động, bảo hiểm y tế,... cũng được chúng tôi rất quan tâm.

6.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng Công ty đã thực hiện tốt các hoạt động liên quan đến trách nhiệm của Công ty đối với cộng đồng địa phương.



IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2023 thực sự là năm khó khăn của ngành thép Việt Nam khi giá thép biến động theo chiều hướng đi xuống, thị trường bất động sản ảm đạm, nhu cầu trong nước vẫn thấp... Trong điều kiện đó thì việc Công ty hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận là một sự nỗ lực rất lớn của lãnh đạo và toàn thể CBCNV.

Về hoạt động kinh doanh chính, trước những khó khăn của thị trường thép, Công ty đã chủ động linh hoạt đưa ra nhiều giải pháp để tìm lối ra cho hoạt động kinh doanh. Đó là việc giảm nhập khẩu, tăng tiêu thụ hàng nội địa, chủ động giảm tồn kho để giảm áp lực lãi vay cũng như giảm rủi ro khi thị trường giảm giá. Bên cạnh đó, Công ty mở rộng thêm chủng loại, mặt hàng kinh doanh và địa bàn kinh doanh để tăng doanh thu và hiệu quả.

Về kinh doanh dịch vụ, hoạt động cho thuê văn phòng, kho bãi khu vực TPHCM gặp nhiều khó khăn trong năm qua. Tình trạng khách thuê văn phòng của Công ty gặp khó khăn phải trả mặt bằng hoặc thu hẹp diện tích thuê liên tục tăng. Bên cạnh đó tiền thuê đất liên tục tăng trong những năm gần đây cũng tạo thêm áp lực và làm ảnh hưởng tới hiệu quả kinh doanh. Tuy vậy doanh thu từ hoạt động dịch vụ năm 2023 của Công ty vẫn tăng trưởng so với năm trước, ghi nhận sự cố gắng rất lớn của đội ngũ quản lý.

Về tài chính, năm 2023 ghi nhận những tiến bộ lớn trong việc quản trị dòng tiền của Công ty. Chi phí tài chính được khống chế, trong khi doanh thu tài chính tăng cao so với cùng kỳ. Trong tình hình khó khăn của nền kinh tế, Công ty đã tăng cường biện pháp để kiểm soát công nợ, hạn chế rủi ro trong việc bán hàng chậm trả. Công tác quản lý chi phí cũng được chú trọng để tiết kiệm chi phí hoạt động và nâng cao hiệu quả kinh doanh

Về tổ chức lao động, số lượng lao động của Công ty tiếp tục giảm so với năm trước. Công ty đã bảo đảm được việc làm cho người lao động với mức thu nhập tăng so với năm trước.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành công ty

Ban Tổng giám đốc đã hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, đúng quy chế, phù hợp với Luật Doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty.

Ban Tổng giám đốc đã bám sát các nghị quyết của Hội đồng quản trị triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty phù hợp với nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Ban Tổng giám đốc đã chủ động, tích cực bám sát tình hình thị trường đề ra các giải pháp hợp lý, hiệu quả trong công tác quản lý, kinh doanh thép nhập khẩu, thép xây dựng; quản lý và khai thác cho thuê tòa nhà, kho bãi; công tác quản trị tài chính, công tác quản lý nợ.

Ban Tổng giám đốc đã duy trì thường xuyên lịch họp giao ban hàng tháng, họp bất thường khi có phát sinh, nội dung họp tập trung giải quyết các vướng mắc trong điều hành, quản lý, những khó khăn, vướng mắc được đưa ra các giải pháp giải quyết ngay trong cuộc họp.

Năm 2023 thị trường thép tiếp tục diễn biến không thuận lợi, phức tạp, khó lường, Ban Tổng giám đốc và toàn thể đội ngũ người lao động trong công ty đã khắc phục khó khăn hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận được giao. Sản lượng tiêu thụ tuy chưa đạt kế hoạch nhưng đã có sự tăng trưởng so với năm trước.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục đẩy mạnh hoạt động theo đúng quyền hạn và trách nhiệm được pháp luật và điều lệ Công ty quy định.

Nâng cao năng lực quản trị, quản trị hiệu quả các nguồn lực của công ty, tận dụng các nguồn lực để phát triển công ty.

Triển khai và tổ chức thực hiện Nghị Quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2024, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch 2024.

Chỉ đạo, giám sát thường xuyên đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh. Bám sát tình hình để hỗ trợ và phối hợp cùng Ban điều hành Công ty tháo gỡ, xử lý kịp thời những khó khăn vướng mắc để sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất.

Tiếp tục tăng cường công tác phân tích và dự báo thị trường làm cơ sở chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tiếp tục đa dạng hóa ngành hàng kinh doanh, tìm kiếm các khách hàng mới có uy tín, phấn đấu tăng doanh số bán hàng.

Tăng cường công tác kiểm tra giám sát phòng ngừa rủi ro trong kinh doanh, đảm bảo an toàn vốn. Chú trọng quản trị tài chính, tiết giảm chi phí nhằm nâng cao khả năng cạnh tranh của Công ty.

Chọn thời điểm thích hợp thoái vốn đầu tư tại Công ty cổ phần Thép Nhà Bè – VNSTEEL để tập trung nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh chính.

Chỉ đạo việc công bố thông tin doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.



V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban Giám đốc được thực hiện theo Điều lệ Công ty, quy chế hoạt động của HĐQT Công ty... Tại các cuộc họp thường kỳ, HĐQT tổ chức đánh giá kết quả hoạt động của Công ty theo nghị quyết đã đề ra, xác định phương hướng nhiệm vụ trọng tâm cho kỳ kế tiếp. Định kỳ, Ban Giám đốc báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động của Công ty và việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT.

Chủ tịch HĐQT dự các cuộc họp giao ban công việc hàng tháng và một số cuộc họp có tính chất trọng yếu đối với hoạt động kinh doanh của Công ty.

Hội đồng quản trị kịp thời chỉ đạo và xử lý các vấn đề phát sinh thuộc thẩm quyền của HĐQT, tạo điều kiện cho Ban Tổng Giám đốc giải quyết nhanh các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Trong năm 2023 Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 kỳ họp để xem xét, đánh giá và phê duyệt các vấn đề chủ yếu sau đây:

- Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ quý trước/ năm trước, xác định phương hướng nhiệm vụ công tác quý tiếp theo
- Thông qua việc ký và thực hiện hợp đồng mua bán hàng hoá dịch vụ với các Công ty con và công ty liên kết trực thuộc Tổng công ty Thép Việt Nam- CTCP
- Thông qua việc sửa đổi các quy chế quản lý của Công ty
- Phê duyệt việc vay vốn các ngân hàng Vietinbank, Vietcombank, VP Bank...
- Thông qua việc bổ nhiệm Kế toán trưởng; thông qua việc quyết toán quỹ tiền lương năm 2022; Thông qua việc dừng Dự án Đầu tư mở rộng xưởng Vĩnh Lộc

Ngoài các cuộc họp định kỳ, để tiết kiệm thời gian và chi phí, nhiều nội dung khác đã được HĐQT quyết định thông qua việc lấy ý kiến các thành viên bằng thư điện tử.

Hoạt động của thành viên HĐQT độc lập

Công ty hiện có 01 thành viên HĐQT độc lập là ông Phạm Mạnh Hùng, thực hiện quyền hạn, nghĩa vụ theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty, các quy chế nội bộ của công ty và các văn bản pháp luật hiện hành đối với thành viên Hội đồng quản trị.

- Tham gia công tác kiểm tra, giám sát quá trình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị phù hợp với các qui định pháp luật hiện hành; Điều lệ Công ty và các Quy chế nội bộ của công ty.

- Trực tiếp chỉ đạo xây dựng và thực hiện chính sách lương, thưởng của công ty.

Kết quả đánh giá của thành viên độc lập về hoạt động của HĐQT Công ty

Về việc tổ chức các cuộc họp của HĐQT

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được triệu tập và thực hiện theo đúng quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được duy trì đều đặn, đúng quy định. Thực hiện việc giám sát, chỉ đạo Ban điều hành qua các nghị quyết, quyết định và các cuộc họp định kỳ.

Tại các cuộc họp, các thành viên HĐQT đã tích cực thảo luận, tham gia ý kiến, thông qua các chủ trương, nhiệm vụ giao cho Ban điều hành thực hiện.

Đánh giá chung hoạt động của HĐQT

Hội đồng quản trị đã thực hiện và chỉ đạo ban điều hành hoàn thành tốt các nhiệm vụ ĐHCĐ đề ra trong năm 2023; tuân thủ điều lệ Công ty, Quy chế quản trị Công ty. Tất cả các thành viên HĐQT có tinh thần trách nhiệm cao và đưa ra các chiến lược giải pháp phù hợp từng giai đoạn cho Công ty.

2. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Dương Trung Toàn	4	100%	
2	Võ Trí Nghĩa	4	100%	
3	Trương Bá Liêm	4	100%	
4	Cù Thị Thùy Linh	4	100%	
5	Phạm Mạnh Hùng	4	100%	

3. Các Nghị quyết/ Quyết định của Hội đồng quản trị

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	10/NQ-KK	17/01/2023	Về đánh giá kết quả kinh doanh Q4 và năm 2022; nhiệm vụ trọng tâm Q1 và năm 2023
2	11/NQ-KK	17/01/2023	Thông qua chủ trương bổ nhiệm cán bộ
3	12/NQ-KK	17/01/2023	Chấp thuận giao dịch của Công ty với Người có liên quan của cổ đông lớn
4	17/QĐ-KK	01/02/2023	Bổ nhiệm kế toán trưởng
5	28/NQ-KK	20/02/2023	Chốt danh sách cổ đông dự ĐHCĐ thường niên 2023
6	50/NQ-KK	17/03/2023	Phê duyệt chủ trương thực hiện Dự án đầu tư kho ở Miền Tây

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
7	61/NQ-KK	06/04/2023	Thay đổi nhân sự đại diện vốn Cty tại Cty CP Thép Nhà Bè
8	71/NQ-KK	18/04/2023	Đánh giá kết quả kinh doanh quý 1 năm 2023; nhiệm vụ trọng tâm quý 2 năm 2023
9	73/QĐ-KK	19/4/2023	Ban hành quy chế hoạt động của HĐQT
10	74/QĐ-KK	24/04/2023	Ban hành quy chế quản lý, sử dụng quỹ khen thưởng và phúc lợi
11	75/QĐ-KK	24/04/2023	Ban hành quy chế quản lý cán bộ
12	76/QĐ-KK	24/04/2023	Ban hành quy chế quản lý tiền lương
13	77/QĐ-KK	24/04/2023	Ban hành quy chế quản lý nợ
14	78/QĐ-KK	24/04/2023	Ban hành quy chế quản lý tài chính
15	79/QĐ-KK	24/04/2023	Ban hành quy chế quản lý kinh doanh
16	80/QĐ-KK	24/04/2023	Ban hành quy chế quản lý đầu tư – xây dựng và quản lý, sử dụng tài sản
17	104/QĐ-KK	10/05/2023	Thông qua quỹ tiền lương kế hoạch năm 2023
18	114/NQ-KK	12/06/2023	Chấp thuận giao dịch mua bán hàng hoá với người có liên quan của cổ đông lớn
19	119/NQ-KK	13/6/2023	Lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023
20	121/QĐ-KK	19/06/2023	Phê duyệt chủ trương thay đổi địa điểm kinh doanh CN Miền Tây
21	123/QĐ-KK	27/06/2023	Bổ nhiệm Người phụ trách kiểm toán nội bộ
22	125/NQ-KK	07/07/2023	Ký hợp đồng tín dụng với các ngân hàng
23	126/NQ-KK	07/07/2023	Kế hoạch kiểm toán nội bộ năm 2023
24	132/NQ-KK	07/07/2023	Đánh giá kết quả kinh doanh quý 2 và 6 tháng đầu năm 2023; nhiệm vụ trọng tâm quý 3 năm 2023
25	145/NQ-KK	17/08/2023	Chấp thuận giao dịch mua bán hàng hoá với người có liên quan của cổ đông lớn (bổ sung)
26	167/NQ-KK	18/10/2023	Đánh giá kết quả kinh doanh quý 3 và 9 tháng đầu năm 2023; nhiệm vụ trọng tâm quý 4 năm 2023
27	181/NQ-KK	22/12/2023	Chấp thuận giao dịch mua bán hàng hoá với người có liên quan của cổ đông lớn

4. Hoạt động của Ban kiểm soát

Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm

Kiểm tra giám sát tình hình thực hiện kế hoạch năm 2023 và việc thực hiện các nghị quyết của ĐHCĐ, các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Kiểm tra, thẩm định báo cáo tài chính năm 2022. Thẩm định các báo cáo tài chính quý năm 2023 của Công ty, qua đó đề xuất những kiến nghị đến HĐQT, Ban điều hành về công tác quản trị tại Công ty.

Theo dõi công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2022 và soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty.

Giám sát công tác quản lý công nợ và tình hình thực hiện các quy chế, quy định của Công ty.

Năm 2023, Ban kiểm soát đã tổ chức hai cuộc họp với nội dung chính là: đánh giá hoạt động năm 2022, thẩm định báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty và báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2023 của Công ty. Bên cạnh đó, Ban Kiểm soát thực hiện việc trao đổi, lấy ý kiến các thành viên qua thư điện tử để thống nhất nội dung các báo cáo khác. Nội dung các kiến nghị của Ban kiểm soát trong năm 2023 tập trung vào vấn đề kiểm soát công nợ, hoạt động bán hàng trả chậm, công tác quản lý chi phí, quản lý hàng tồn kho...

Các cuộc họp của Ban kiểm soát

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Hoàng Lê Ánh	2	100%
2	Bà Đoàn Thị Thanh Thúy	2	100%
3	Bà Trương Thị Tuyết	2	100%

Kết quả kiểm tra và giám sát

Về kết quả kinh doanh năm 2023

Ban kiểm soát thống nhất với ý kiến đánh giá của Công ty TNHH Hăng kiểm toán AASC về báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty.

Ban kiểm soát nhất trí với các ý kiến đánh giá tại báo cáo của Hội đồng quản trị Công ty về tình hình, kết quả hoạt động năm 2023 của Công ty.

Năm 2023 tiếp tục là năm rất khó khăn của ngành thép Việt Nam trước những tác động từ thị trường thế giới cũng như trong nước. Sản lượng tiêu thụ của Công ty trong năm tăng 4,89% so với năm trước, nhưng giá bán giảm dẫn đến doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 8,56%. Biên lợi nhuận được cải thiện làm cho lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay tăng 12,22%.

Trong năm 2023, mặc dù thị trường bất động sản gặp nhiều khó khăn nhưng hoạt động cho thuê văn phòng và hệ thống kho bãi của Công ty vẫn ghi nhận được với doanh thu tăng lần lượt là 7,66% và 19,94% so với năm 2022.

Doanh thu hoạt động tài chính tăng 38,36%, chủ yếu nhờ lãi tiền gửi trong kỳ tăng do tận dụng nguồn vốn tạm thời nhàn rỗi.

Chi phí tài chính giảm 10,93%, chủ yếu do hạn chế được lỗ chênh lệch tỷ giá. So với năm trước, chi phí lãi vay của Công ty tăng 22,72%. Tuy nhiên phần lớn chi phí lãi vay đã được Công ty bù đắp bằng khoản lãi tiền gửi trong kỳ.

Tổng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng nhẹ so với năm trước. Trong đó, các khoản chi phí được tiết giảm là dịch vụ: chi phí sửa chữa, vận chuyển...; Các khoản chi phí tăng là chi phí nhân công (trích theo lợi nhuận), chi phí thuê đất, chi phí khác bằng tiền...

Năm 2023, lợi nhuận sau thuế của Công ty vượt 5,74 % so với kế hoạch đã đề ra và tăng 576,29% so với năm trước, là kết quả khả quan so với các Công ty cùng ngành.

Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị và bộ máy điều hành

Các thành viên hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

HĐQT đã bám sát tình hình hoạt động của Công ty. Hàng quý, HĐQT tổ chức đánh giá kết quả hoạt động của Công ty theo nghị quyết đã đề ra, xác định nhiệm vụ trọng tâm cho giai đoạn tiếp theo và thảo luận cùng Ban Giám đốc các giải pháp để thực hiện kế hoạch. Kịp thời chỉ đạo, xử lý các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT thông qua việc lấy ý kiến của các thành viên qua thư điện tử hoặc văn bản. Các nghị quyết, quyết định của HĐQT phù hợp chức năng, quyền hạn theo quy định của pháp luật và điều lệ Công ty.

Năm 2023, Ban Tổng giám đốc đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai các nghị quyết của ĐHCĐ và HĐQT; điều hành kinh doanh linh hoạt; chú trọng công tác kiểm soát bán hàng trả chậm và quản lý công nợ; chi phí tài chính và dòng tiền đã được kiểm soát hiệu quả hơn... Mặc dù thị trường thép rất khó khăn nhưng Công ty vẫn hoàn thành vượt mức kế hoạch lợi nhuận, đồng thời sản lượng tiêu thụ tăng trưởng so với năm trước.

Giao dịch với người có liên quan

Giao dịch giữa công ty với các Công ty có liên quan trong hệ thống Tổng công ty Thép Việt Nam CTCP đã được ĐHCĐ hoặc HĐQT phê duyệt theo thẩm quyền và được công bố thông tin kịp thời. Giá mua bán trong các giao dịch trên là giá thỏa thuận theo thời điểm.

Giá trị giao dịch với các Công ty có liên quan được trình bày đầy đủ tại báo cáo tài chính và báo cáo tình hình quản trị năm 2023 của Công ty.

Kiến nghị của Ban kiểm soát

Để nâng cao hiệu quả kinh doanh của Công ty, đề nghị Hội đồng quản trị và Ban điều hành lưu ý các vấn đề sau:

- Tiếp tục tăng cường công tác dự báo, phân tích thị trường, đa dạng hoá nguồn cung cấp hàng hoá và dự trữ hàng tồn kho hợp lý theo từng thời điểm để đảm bảo tính cạnh tranh và tận dụng được cơ hội khi thị trường biến động tích cực.
- Thường xuyên kiểm tra giám sát việc thực hiện các quy chế, quy định nội bộ để kịp thời phát hiện, khắc phục những thiếu sót, tồn tại và bảo đảm việc thực thi các quy định đã ban hành.
- Tiếp tục tăng cường công tác quản trị rủi ro; tăng cường công tác đánh giá, thẩm định khách hàng và kiểm soát chặt chẽ quá trình bán hàng chậm trả cũng như quản lý công nợ để hạn chế phát sinh công nợ khó đòi, bảo đảm an toàn vốn.
- Chú trọng hơn nữa việc tuyển dụng nhân sự bổ sung vào đội ngũ quản lý và bán hàng. Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho người lao động đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

Kế hoạch hoạt động năm 2024 của Ban kiểm soát

Thực hiện quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty, trong đó tập trung kiểm tra, giám sát các công việc chủ yếu sau:

- Giám sát tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và thực hiện các nội dung khác theo nghị quyết của ĐHĐCĐ, nghị quyết của HĐQT.
- Giám sát tình hình tài chính và việc thực hiện Quy chế quản lý kinh doanh, tài chính, công nợ của Công ty.
- Thẩm định báo cáo tài chính năm 2023, các báo cáo tài chính hàng quý năm 2024 của Công ty. Hàng quý lập báo cáo đánh giá hoạt động trong kỳ và đề xuất kiến nghị với HĐQT, Ban điều hành về công tác quản trị tại Công ty.
- Theo dõi công tác kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 và soát xét báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2024 của Công ty.
- Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị (nếu cần).
- Tham gia góp ý việc xây dựng, sửa đổi các quy chế quản lý của Công ty.

5. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

5.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Họ tên	Chức vụ	Lương, thưởng, thù lao năm 2023 (đồng)
Hội đồng quản trị		
Dương Trung Toàn	Chủ tịch HĐQT	663.783.417
Võ Trí Nghĩa	Thành viên HĐQT	60.000.000
Trương Bá Liêm	Thành viên HĐQT	60.000.000
Cù Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT – Không điều hành	60.000.000
Phạm Mạnh Hùng	Thành viên độc lập của HĐQT	663.783.417
Ban kiểm soát		
Hoàng Lê Ánh	Trưởng Ban kiểm soát - CBTT	471.485.029
Đoàn Thị Thanh Thúy	Thành viên Ban kiểm soát	42.000.000
Trương Thị Tuyết	Thành viên Ban kiểm soát	42.000.000
Ban điều hành		
Võ Trí Nghĩa	Tổng Giám đốc	647.186.000
Lại Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc	593.163.200
Lê Thị Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	533.172.077
Nguyễn Thị Hồng Mây	Kế toán trưởng	456.049.500

5.2. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ

Trong năm 2023 không có giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đến người nội bộ.

5.3 Hợp đồng hoặc giao dịch với người có liên quan của cổ đông lớn/ người nội bộ

Stt	Tên tổ chức	Giá trị giao dịch (bao gồm thuế VAT)	Căn cứ theo Quyết định/ Nghị quyết
Bán hàng hoá			
1	Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam – Vnsteel	113.275.375.400	114/NQ-KK 12/6/2023
3	Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức – Vnsteel	546.825.781	12/NQ-KK 17/1/2023
4	Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	4.085.180.605	12/NQ-KK 17/1/2023 145/NQ-KK - 17/8/2023
5	Công ty Cổ phần Thép lưới Bình Tây	6.480.697.622	12/NQ-KK 17/1/2023

Stt	Tên tổ chức	Giá trị giao dịch (bao gồm thuế VAT)	Căn cứ theo Quyết định/ Nghị quyết
6	Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện Kim	147.949.233	12/NQ-KK 17/1/2023
Mua hàng hóa và dịch vụ			
1	Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam – Vnsteel	777.513.800.156	72/NQ-KK 19/4/2023
2	Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	1.544.875.244	12/NQ-KK 17/1/2023
3	Công ty TNHH Thép Vina Kyoiei	818.239.770.681	72/NQ-KK 19/4/2023
4	Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	90.684.870.987	12/NQ-KK 17/1/2023 145/NQ-KK - 17/8/2023
5	Công ty Cổ phần thép Vicasa – Vnsteel	9.035.627.113	12/NQ-KK 17/1/2023
6	Công ty CP Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	76.210.438	12/NQ-KK 17/1/2023

6. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Năm 2023, Công ty Cổ phần Kim khí TP. Hồ Chí Minh - VNSTEEL đã nỗ lực tuân thủ các quy định về quản trị Công ty nghiêm ngặt.

Công tác quản trị của Công ty được đảm bảo theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ và các quy chế nội bộ với mục tiêu đảm bảo các hoạt động của Công ty có thể diễn ra một cách thuận lợi và đáp ứng mong muốn của cổ đông, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho việc giám sát hoạt động một cách tốt nhất.

Công ty đã chấp hành nghiêm chỉnh các quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Tổ chức ĐHCĐ theo đúng trình tự, thủ tục của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ và Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

Trong năm, Công ty đã tiến hành thuê đơn vị làm dịch vụ kiểm toán độc lập để thực hiện kiểm toán nội bộ với chuyên đề "Kiểm tra, rà soát quy trình bán hàng" của công ty.

Thực hiện rà soát, sửa đổi và bổ sung một loạt các quy chế quản lý nội bộ như Quy chế kinh doanh, Quy chế tài chính, Quy chế tiền lương, Quy chế Đầu tư....

Trong năm 2023 Công ty thực hiện nâng cấp phần mềm kế toán, tăng cường chức năng phân tích số liệu, báo cáo nhằm phục vụ tốt hơn cho công tác quản trị của Công ty. Công ty cũng đã đưa vào sử dụng phần mềm quản lý nhân sự và tiền lương.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán



Số: 260224.001/BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**
Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel được lập ngày 19 tháng 01 năm 2024, từ trang 05 đến trang 39, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

**Trần Trung Hiếu**

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2023-002-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 02 năm 2024

Đào Trung Thành

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 4700-2024-002-1

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ
Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.166.968.741.476	1.023.592.378.455
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	19.935.854.020	51.328.653.179
111	1. Tiền		19.935.854.020	41.328.653.179
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	10.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	04	427.300.000.000	9.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		427.300.000.000	9.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		350.684.683.188	334.037.629.334
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	05	339.541.228.613	350.040.325.533
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	06	54.479.623.194	25.727.600.458
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	07	11.683.235.696	15.894.789.585
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(55.019.404.315)	(57.625.086.242)
140	IV. Hàng tồn kho	09	344.755.101.610	594.815.561.618
141	1. Hàng tồn kho		384.507.495.954	689.639.523.669
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(39.752.394.344)	(94.823.962.051)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		24.293.102.658	33.910.534.324
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	14	442.500.000	429.714.612
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		10.758.516.565	15.782.701.274
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	13.092.086.093	17.698.118.438
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		112.915.168.360	121.274.166.444
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		155.800.000	155.800.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	07	155.800.000	155.800.000
220	II. Tài sản cố định		29.149.242.074	29.914.347.363
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	19.693.666.197	20.268.381.202
222	- Nguyên giá		79.572.331.325	75.822.216.059
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(59.878.665.128)	(55.553.834.857)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	9.455.575.877	9.645.966.161
228	- Nguyên giá		12.339.454.427	12.339.454.427
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.883.878.550)	(2.693.488.266)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	68.679.043.380	72.272.556.624
231	- Nguyên giá		145.463.787.768	145.463.787.768
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(76.784.744.388)	(73.191.231.144)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		6.382.906	674.062.457
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	6.382.906	674.062.457
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	04	14.924.700.000	18.257.400.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		37.000.000.000	37.000.000.000
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(22.075.300.000)	(18.742.600.000)
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.279.883.909.836	1.144.866.544.899

00111
CHI
CÔNG
I
I
4-7

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		876.194.953.509	762.326.984.599
310	I. Nợ ngắn hạn		850.728.465.319	739.044.096.013
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	141.174.342.615	203.251.277.048
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	16	2.751.832.883	1.712.174.090
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	54.013.460	110.110.657
314	4. Phải trả người lao động		16.869.770.589	8.629.850.301
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	3.769.476.055	2.289.965.340
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	19	1.758.606.772	1.793.833.231
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	150.600.778.698	47.824.448.736
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	530.692.867.617	468.236.751.870
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		3.056.776.630	5.195.684.740
330	II. Nợ dài hạn		25.466.488.190	23.282.888.586
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	25.466.488.190	23.282.888.586
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		403.688.956.327	382.539.560.300
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	403.688.956.327	382.539.560.300
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		272.999.990.000	272.999.990.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		272.999.990.000	272.999.990.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		37.225.230.000	37.225.230.000
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu		11.103.791.589	7.588.967.893
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		51.331.712.408	54.846.536.104
420	5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.773.466.830	1.773.466.830
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		29.254.765.500	8.105.369.473
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		8.105.369.473	4.978.116.786
421b	LNST chưa phân phối năm nay		21.149.396.027	3.127.252.687
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.279.883.909.836	1.144.866.544.899

105-0

NHÀ
TY T
TIẾM
ASC

P. HỒ



Lê Thúy Hằng
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2024

Nguyễn Thị Hồng Mây
Kế toán trưởng

Võ Trí Nghĩa
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ
Chí Minh

Báo cáo tài chính
Năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	3.120.669.290.401	3.414.324.323.557
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	25	1.150.726.218	2.839.396.085
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		3.119.518.564.183	3.411.484.927.472
11	4. Giá vốn hàng bán	26	3.036.653.261.485	3.337.642.511.584
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		82.865.302.698	73.842.415.888
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27	35.975.319.836	26.001.824.522
22	7. Chi phí tài chính	28	32.404.421.425	36.379.249.448
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		21.762.555.329	17.732.830.700
25	8. Chi phí bán hàng	29	45.884.684.870	44.426.125.285
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	15.726.325.123	15.053.478.833
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		24.825.191.116	3.985.386.844
31	11. Thu nhập khác	31	1.031.586.661	1.551.086.781
32	12. Chi phí khác	32	10.376.006	14.047.559
40	13. Lợi nhuận khác		1.021.210.655	1.537.039.222
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		25.846.401.771	5.522.426.066
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	33	4.697.005.744	2.395.173.379
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		21.149.396.027	3.127.252.687
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	34	775	115

S-C.T.T.
H
H
D
A
N
H
C
H
M
I
N
H



Lê Thúy Hằng
Người lập
TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2024

Nguyễn Thị Hồng Mây
Kế toán trưởng

Võ Trí Nghĩa
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành
phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		25.846.401.771	5.522.426.066
	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		8.268.733.799	8.551.742.031
03	- Các khoản dự phòng		(54.344.549.634)	40.442.120.967
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.569.611.456)	(890.133.028)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(14.362.068.629)	(2.925.165.388)
06	- Chi phí lãi vay		21.762.555.329	17.732.830.700
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(14.398.538.820)	68.433.821.348
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(3.419.626.674)	(65.700.790.512)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		305.132.027.715	178.373.441.148
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		55.259.669.487	(289.744.303.734)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(12.785.388)	(57.214.612)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(21.875.200.532)	(17.302.525.111)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(90.973.399)	(9.956.071.484)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(2.138.908.110)	(7.313.898.788)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		318.455.664.279	(143.267.541.745)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(3.242.435.715)	(9.130.721.047)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		147.927.273	487.600.079
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(597.300.000.000)	(9.000.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		179.500.000.000	9.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		8.616.580.812	2.425.343.392
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(412.277.927.630)	(6.217.777.576)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		2.780.789.306.497	3.546.917.723.681
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(2.718.333.190.750)	(3.272.440.580.739)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(54.828.500)	(94.467.795.950)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		62.401.287.247	180.009.346.992

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành
phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2023

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(31.420.976.104)	30.524.027.671
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		51.328.653.179	20.789.998.476
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		28.176.945	14.627.032
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	03	<u>19.935.854.020</u>	<u>51.328.653.179</u>

Lê Thúy Hằng
Người lập
TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2024

Nguyễn Thị Hồng Mây
Kế toán trưởng



Võ Trí Nghĩa
Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ
Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0300399360 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ mười bốn ngày 22 tháng 08 năm 2022 và xác nhận thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp ngày 11 tháng 05 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 272.999.990.000 VND, vốn thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 272.999.990.000 VND; tương đương 27.299.999 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 158 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2023 là: 166 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bán buôn kim loại và quặng kim loại;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Năm 2023 tiếp tục là năm khó khăn chung của ngành thép và các doanh nghiệp. Sản lượng tiêu thụ trong năm tăng khoảng 5% so với năm trước, nhưng giá bán giảm dẫn đến Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ giảm 293,6 tỷ VND, tương ứng giảm 8,6%. Giá trị hàng hóa mua vào năm 2023 cũng giảm so với năm trước làm cho Giá vốn hàng bán giảm 300,9 tỷ VND, tương ứng giảm 9,02%. Tổng hợp các nguyên nhân nêu trên đã giúp cho Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay tăng 12,22%, tương ứng tăng 9,02 tỷ VND. Bên cạnh đó Doanh thu hoạt động tài chính tăng 9,97 tỷ VND, tương ứng tăng 38,36% do lãi tiền gửi ghi nhận trong kỳ tăng. Chi phí tài chính giảm 3,97 tỷ VND, tương ứng giảm 10,93% do tận dụng được biến động tỷ giá. Các yếu tố nêu trên đã giúp cho Lợi nhuận sau thuế của Công ty năm nay tăng 18,02 tỷ VND so với năm trước, tương đương tăng 576,29%.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 1	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 2	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 5	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 6	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 7	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Xí nghiệp Kinh doanh Kim khí số 11	Hồ Chí Minh	Kinh doanh thương mại thép
Chi nhánh Miền Tây	Cần Thơ	Kinh doanh thương mại thép
Chi nhánh Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Kho chứa hàng ^(*)	Long An	Kho chứa hàng

15-006-
HÀNH
Y TNHH
TỔNG TO
ISC
HỒ C

(¹) Ngày 16/03/2021, Hội đồng quản trị đã ra nghị quyết số 146/NQ-KK về việc ủy quyền cho Tổng Giám đốc tiến hành các thủ tục giải thể Chi nhánh Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Kho chứa hàng. Đến thời điểm hiện tại, Công ty đã đóng mã số thuế cho Chi nhánh này.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

2.4 . Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong Báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới Báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.



Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ
Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

2.5 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư dài hạn, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

2.6 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính.

2.7 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.8 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng năm.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.



Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.9 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.10 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.11 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

105-

NHÀ
ĐI TY
KIỂM
SASI

P. H

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ
Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10	năm
- Thiết bị văn phòng	03 - 05	năm
- Các tài sản khác	03 - 05	năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.12 . Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	30 - 34	năm
- Quyền sử dụng đất	08 - 12	năm

2.13 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.14 . Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.15 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

- Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc đảm bảo cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

- Chi phí trả trước tiền thuê tài sản và chi phí phát hành thư báo lãnh được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 03 tháng đến 12 tháng.

2.16 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

06-t
NH
NH
TO
CH

2.17 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.18 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.19 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như: chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí vận chuyển, chi phí bán hàng, chi phí lãi Upas LC... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.20 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho dịch vụ thuê văn phòng, kho bãi của Công ty.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.21 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

2.22 . Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:



Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.23 . Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm bao gồm: chiết khấu thương mại và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm lập báo cáo (năm trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (năm sau).

2.24 . Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.25 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.26 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.



2.27 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.28 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.29 . Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Tiền mặt	1.299.163.608	1.416.494.059
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	18.636.690.412	39.912.159.120
Các khoản tương đương tiền	-	10.000.000.000
	19.935.854.020	51.328.653.179

011
HI
ÔNG
NG
A
7-7

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư ngắn hạn	427.300.000.000	-	9.500.000.000	-
- Tiền gửi có kỳ hạn (*)	<u>427.300.000.000</u>	<u>-</u>	<u>9.500.000.000</u>	<u>-</u>

(*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại.

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND
Mã chứng khoản				
Đầu tư vào đơn vị khác				
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel	23.000.000.000	(8.075.300.000)	14.924.700.000	23.000.000.000
(1)				
- Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất	14.000.000.000	(14.000.000.000)	-	14.000.000.000
(2)				
	<u>37.000.000.000</u>	<u>(22.075.300.000)</u>	<u>14.924.700.000</u>	<u>37.000.000.000</u>
				<u>(18.742.600.000)</u>
				<u>18.257.400.000</u>

(1) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè (mã cổ phiếu TNB) giao dịch trên thị trường UPCoM, được xác định theo giá tham chiếu bình quân từ ngày 20/11/2023 đến ngày 29/12/2023.

(2) Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất (mã TNS) đang được giao dịch trên thị trường UPCoM, tuy nhiên, do khó có thể bán ra toàn bộ cổ phiếu bằng với giá thị trường Công ty không có kế hoạch bán Cổ phiếu này trong thời gian tới nên Công ty không ước tính giá trị hợp lý của khoản đầu tư này theo giá đóng cửa tại ngày 29/12/2023 mà thực hiện trích lập dự phòng khoản đầu tư căn cứ vào Báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2023. Công ty trích lập dự phòng cho toàn bộ khoản giá trị đầu tư này.

Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư vào đơn vị khác như sau:

Tên Công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel (TNB)	Thành phố Hồ Chí Minh	10,00%	10,00%	Sản xuất, kinh doanh thép
- Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất (TNS)	Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	7,00%	7,00%	Sản xuất, kinh doanh thép tấm lá



Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG NGẮN HẠN				
<i>Bên liên quan</i>				
- Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất	36.253.672.833	(36.253.672.833)	39.653.672.833	(39.653.672.833)
<i>Bên khác</i>	303.287.555.780	(18.765.731.482)	310.386.652.700	(17.971.413.409)
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	14.983.344.830	-	35.840.933.040	-
- Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ và Xuất nhập khẩu Hồng Quyền	23.201.601.440	-	17.636.053.838	-
- Công ty TNHH Quản lý Bất động sản Hoàng Phúc	-	-	15.004.905.710	-
- Công ty TNHH Thép Tiến Trung Long An	7.121.357.619	-	-	-
- Công ty TNHH Kim khí Thép Long An	38.188.790.105	-	21.616.250.124	-
- Công ty TNHH MTV Thép Thành Ngộ	539.806.784	-	11.834.920.945	-
- Công ty TNHH Thương mại Quang Giàu	20.540.835.037	-	18.043.456.372	-
- Công ty TNHH Thương mại Thép Hưng Thịnh Long An	24.917.827.147	-	9.788.253.603	-
- Các khách hàng khác	173.793.992.818	(18.765.731.482)	180.621.879.068	(17.971.413.409)
	339.541.228.613	(55.019.404.315)	350.040.325.533	(57.625.086.242)
6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN				
<i>Bên liên quan</i>				
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	466.365.779	-	-	-
<i>Bên khác</i>	466.365.779	-	-	-
- Công ty TNHH Thép Hòa Phát Hưng Yên - Chi nhánh Bình Dương	54.013.257.415	-	25.727.600.458	-
- Công ty TNHH Phú Thuận Thành	-	-	24.211.000.000	-
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	-	-	1.047.836.790	-
- Công ty TNHH Thép Tây Đô	28.378.703.815	-	-	-
- Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Huỳnh đệ Tư Gia	14.740.000.000	-	-	-
- Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Nam Sài Gòn	10.318.000.000	-	-	-
- Trả trước cho người bán khác	576.553.600	-	468.763.668	-
	54.479.623.194	-	25.727.600.458	-

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.830.305.749	-	232.745.205	-
Tạm ứng	-	-	20.000.000	-
Ký cược, ký quỹ	95.000.000	-	7.035.000.000	-
Chiết khấu sản lượng	4.668.394.990	-	7.871.527.350	-
Phải thu lãi ký quỹ	-	-	141.150.685	-
Chiết khấu thanh toán	883.128.550	-	501.458.950	-
Phải thu khác	206.406.407	-	92.907.395	-
	11.683.235.696	-	15.894.789.585	-
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	155.800.000	-	155.800.000	-
	155.800.000	-	155.800.000	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
Công ty TNHH Thép Vinakyoei	4.467.630.250	-	14.539.747.735	-
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - VNSTEEL	1.083.893.290	-	974.389.250	-
	5.551.523.540	-	15.514.136.985	-

8 . NỢ XẤU

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Công ty Cổ phần Thép Tấm lá Thống Nhất	36.253.672.833	-	39.653.672.833	-
- Công ty TNHH Việt Quang	10.597.746.361	-	10.597.746.361	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Quang Trung	2.372.428.950	-	2.372.428.950	-
- Các khoản khác	9.169.563.488	3.374.007.317	7.637.988.353	2.636.750.255
	58.393.411.632	3.374.007.317	60.261.836.497	2.636.750.255

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá												
Số dư đầu năm	34.214.985.584	29.698.348.708	9.781.424.889	1.149.756.047	977.700.831	75.822.216.059						
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	366.454.955	3.324.830.311	-	-	218.830.000	3.910.115.266						
- Thanh lý, nhượng bán	-	(160.000.000)	-	-	-	(160.000.000)						
Số dư cuối năm	34.581.440.539	32.863.179.019	9.781.424.889	1.149.756.047	1.196.530.831	79.572.331.325						
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu năm	19.703.628.489	28.868.899.914	5.173.007.430	830.598.193	977.700.831	55.553.834.857						
- Khấu hao trong năm	2.514.861.652	692.470.871	1.094.884.104	141.583.004	41.030.640	4.484.830.271						
- Thanh lý, nhượng bán	-	(160.000.000)	-	-	-	(160.000.000)						
Số dư cuối năm	22.218.490.141	29.401.370.785	6.267.891.534	972.181.197	1.018.731.471	59.878.665.128						
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu năm	14.511.357.095	829.448.794	4.608.417.459	319.157.854	-	20.268.381.202						
Tại ngày cuối năm	12.362.950.398	3.461.808.234	3.513.533.355	177.574.850	177.799.360	19.693.666.197						

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 31.670.957.563 VND.

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ
Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	11.835.454.427	504.000.000	12.339.454.427
Số dư cuối năm	<u>11.835.454.427</u>	<u>504.000.000</u>	<u>12.339.454.427</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.189.488.266	504.000.000	2.693.488.266
- Khấu hao trong năm	190.390.284	-	190.390.284
Số dư cuối năm	<u>2.379.878.550</u>	<u>504.000.000</u>	<u>2.883.878.550</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	9.645.966.161	-	9.645.966.161
Tại ngày cuối năm	<u>9.455.575.877</u>	<u>-</u>	<u>9.455.575.877</u>

Trong đó:

- Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 504.000.000 VND.

(*) Quyền sử dụng đất của Công ty chi tiết như sau:

- Lô C35/1 Khu công nghiệp Vĩnh Lộc, đường Số 7, xã Vĩnh Lộc A, huyện Bình Chánh, thành phố Hồ Chí Minh với diện tích là 6.900 m² và có thời hạn sử dụng đến ngày 07/02/2047;
- Lô số 24, 26, 28 đường số 12, khu phố 4, phường Linh Trung, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh với tổng diện tích là 332,6 m² và có thời hạn sử dụng lâu dài.

13 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

	Chi phí xây dựng tòa nhà VND	Thiết bị VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	118.482.444.108	26.981.343.660	145.463.787.768
Số dư cuối năm	<u>118.482.444.108</u>	<u>26.981.343.660</u>	<u>145.463.787.768</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	46.209.887.484	26.981.343.660	73.191.231.144
- Khấu hao trong năm	3.593.513.244	-	3.593.513.244
Số dư cuối năm	<u>49.803.400.728</u>	<u>26.981.343.660</u>	<u>76.784.744.388</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	72.272.556.624	-	72.272.556.624
Tại ngày cuối năm	<u>68.679.043.380</u>	<u>-</u>	<u>68.679.043.380</u>

Thông tin chi tiết về bất động sản đầu tư cho thuê:

- Bất động sản đầu tư của Công ty là hai tòa nhà cho thuê tại địa chỉ số 193, đường Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh và tại số 189, đường Nguyễn Thị Minh Khai, phường Phạm Ngũ Lão, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.
- Nguyên giá bất động sản đầu tư cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn đang cho thuê là: 26.981.343.660 VND.
- Trong năm, doanh thu phát sinh từ hoạt động cho thuê các bất động sản đầu tư là: 51.707.573.463 VND.
- Các khoản tiền thuê thu được hàng năm trong tương lai được trình bày trong Thuyết minh 23.
- Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc năm tài chính.



Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ
Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Chi phí thuê văn phòng, thuê đất, thuê tài sản	22.500.000	22.500.000
Phí phát hành bảo lãnh thanh toán	420.000.000	407.214.612
	442.500.000	429.714.612

15 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
<i>Bên liên quan</i>	115.434.288.889	115.434.288.889	202.055.998.490	202.055.998.490
Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	115.358.078.451	115.358.078.451	140.416.144.330	140.416.144.330
Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	-	-	40.264.322.439	40.264.322.439
Công ty Cổ phần Kim Khí Miền Trung	-	-	2.492.490	2.492.490
Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	76.210.438	76.210.438	-	-
Công ty TNHH MTV Thép Tấm Lá Phú Mỹ	-	-	21.373.039.231	21.373.039.231
<i>Bên khác</i>	25.740.053.726	25.740.053.726	1.195.278.558	1.195.278.558
Arsen International (HK) Ltd	13.240.267.189	13.240.267.189	-	-
Dao Fortune (HK) Ltd	7.182.555.112	7.182.555.112	-	-
Công ty TNHH Thành Lợi	3.396.105.030	3.396.105.030	-	-
Công ty TNHH MTV Xây dựng Dịch vụ Thương mại Hải Đăng Phát	434.085.908	434.085.908	480.146.508	480.146.508
Các đối tượng khác	1.487.040.487	1.487.040.487	715.132.050	715.132.050
	141.174.342.615	141.174.342.615	203.251.277.048	203.251.277.048

105

NH
GTY
KIẾ
AA!

TP.

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ
Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

16 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<i>Bên khác</i>		
Công ty TNHH Hitachi Zosen Việt Nam	1.307.049.188	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Kỹ thuật Ngọc An Khang	509.708.230	-
Công ty TNHH Thành Lợi	486.654.168	-
Công ty TNHH Siêu Ký	-	489.300.000
Các đối tượng khác	448.421.297	1.222.874.090
	2.751.832.883	1.712.174.090

06
NH
IT
G
06

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp trong năm		Số phải thu cuối năm		Số phải nộp cuối năm	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-	-	-	67.845.108.979	67.845.108.979	-	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	17.698.118.438	-	-	4.697.005.744	90.973.399	13.092.086.093	-	-	-	-	-	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	110.110.657	-	1.529.286.624	1.585.383.821	-	-	-	-	-	54.013.460	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	-	-	13.182.772.015	13.182.772.015	-	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	10.000.000	10.000.000	-	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	-	4.442.818	4.442.818	-	-	-	-	-	-	-
	17.698.118.438	110.110.657	87.268.616.180	82.718.681.032	13.092.086.093	54.013.460						

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.



Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ
Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	438.474.105	551.119.308
- Trích trước chi phí tòa nhà	106.271.740	23.319.000
- Trích trước chi phí tiền điện, nước, điện thoại	6.507.008	13.500.000
- Trích trước chi phí giám định, giao nhận hàng hóa	218.763.573	243.279.856
- Tiền lãi ký quỹ của nhân viên bán hàng	380.073.645	332.236.302
- Trích trước chi phí giao dịch UPAS L/C	1.818.677.294	226.353.311
- Trích trước chi phí giao dịch cho nhân viên bán hàng	473.982.354	552.836.338
- Chi phí phải trả khác	326.726.336	347.321.225
	3.769.476.055	2.289.965.340

19 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước	1.758.606.772	1.793.833.231
	1.758.606.772	1.793.833.231

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.847.713.000	2.489.689.400
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	81.550.850	136.379.350
- Phải trả các ngân hàng về khoản thanh toán L/C cho nhà cung cấp (*)	147.530.743.114	44.965.597.320
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	140.771.734	232.782.666
	150.600.778.698	47.824.448.736
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	25.466.488.190	23.282.888.586
	25.466.488.190	23.282.888.586

(*) Đây là các khoản do các Ngân hàng thương mại đã thanh toán cho nhà cung cấp của Công ty theo các UPAS L/C. Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty đã xác nhận nợ với Ngân hàng, số dư nợ gốc là 6.042.516,63 USD, tương đương 147.530.743.114 VND, kỳ hạn nợ là 03 tháng.

10011
CHI
CÓN
HÃNG
AN 4

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

21 . VAY NGẮN HẠN

	01/01/2023		31/12/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽¹⁾	253.503.713.472	253.503.713.472	1.497.214.062.625	110.339.855.861
- Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽²⁾	114.861.649.023	114.861.649.023	1.041.970.434.520	280.468.970.511
- Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh ⁽³⁾	99.871.389.375	99.871.389.375	198.372.067.107	96.651.299.000
- Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh ⁽⁴⁾	-	-	43.232.742.245	43.232.742.245
	<u>468.236.751.870</u>	<u>468.236.751.870</u>	<u>2.718.333.190.750</u>	<u>530.692.867.617</u>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn:

STT	Hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn	Hình thức bảo đảm	Mục đích vay	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
(1)	<i>Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh</i> Hợp đồng cho vay hạn mức số Chi tiết theo từng giấy nhận nợ nhưng tối đa giấy nhận nợ không quá 04 tháng			Tin chấp	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	110.339.855.861	253.503.713.472
	HỢCVHM/NHCT900-KIMKHI ngày 06/12/2022, văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng cho vay định mức số 22.350092/2022-HỢCVHM-SĐBS01/NHCT900-KIMKHI ngày 11/12/2023					<u>110.339.855.861</u>	<u>253.503.713.472</u>

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

21 . VAY NGẮN HẠN

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngắn hạn (tiếp theo):

STT	Hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn	Hình thức bảo đảm	Mục đích vay	31/12/2023	01/01/2023
						VND	VND
(2)	<i>Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh</i> Hợp đồng tín dụng hạn mức số Chi tiết theo từng Theo từng hợp đồng 01/2023/94697/HHTD ngày giấy nhận nợ tín dụng cụ thể 18/09/2023; văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 01/2023/94697/HHTD/PL01 ngày 21/12/2023			Tin chấp	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, báo lãnh, mở L/C	280.468.970.511	114.861.649.023
(3)	<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh</i> Hợp đồng cấp tín dụng số Chi tiết theo từng Theo từng hợp đồng 0094/2338/N-CTD ngày giấy nhận nợ tín dụng cụ thể 08/11/2023 và Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 0094/2338/N-KD/01 ngày 08/11/2023			Tin chấp	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	96.651.299.000	99.871.389.375
(4)	<i>Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh</i> Hợp đồng tín dụng hạn mức số Chi tiết theo từng Theo từng hợp đồng 5430/22MN/HHTD ngày giấy nhận nợ tín dụng cụ thể 14/03/2022			Tin chấp	Bổ sung vốn lưu động, phát hành và cho vay thanh toán L/C nhập khẩu, L/C nội địa phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sắt thép	43.232.742.245	-
						420.353.011.756	214.733.038.398

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu		Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND		VND	VND		VND	VND		
Số dư đầu năm trước	210.000.000.000	37.225.230.000	-	-	62.435.503.997	1.773.466.830	172.772.801.422	484.207.002.249		
Tăng vốn trong năm trước	62.999.990.000	-	-	-	-	-	(62.999.990.000)	-		
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	3.127.252.687	3.127.252.687		
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(94.500.000.000)	(94.500.000.000)		
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(10.294.694.636)	(10.294.694.636)		
Tăng tài sản từ nguồn quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	7.588.967.893	(7.588.967.893)	-	-	-		
Số dư cuối năm trước	272.999.990.000	37.225.230.000	7.588.967.893	54.846.536.104	1.773.466.830	8.105.369.473	382.539.560.300			
Số dư đầu năm nay	272.999.990.000	37.225.230.000	7.588.967.893	54.846.536.104	1.773.466.830	8.105.369.473	382.539.560.300			
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	21.149.396.027	21.149.396.027		
Tăng tài sản từ nguồn quỹ đầu tư phát triển (*)	-	-	3.514.823.696	(3.514.823.696)	-	-	-	-		
Số dư cuối năm nay	272.999.990.000	37.225.230.000	11.103.791.589	51.331.712.408	1.773.466.830	29.254.765.500	403.688.956.327			

(*) Thông tin thuyết minh bổ sung

Trong năm, Công ty tăng tài sản cố định từ nguồn quỹ đầu tư phát triển với tổng giá trị là 3.514.823.696 VND. Việc tăng tài sản từ nguồn quỹ đầu tư phát triển theo Tờ trình số 461/KK-DT ngày 12/07/2022 được Hội đồng Quản trị quyết nghị thông qua tại Nghị quyết số 120/NQ-KK ngày 12/07/2022.

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ
Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu	Tỷ lệ	Cuối năm	Tỷ lệ	Đầu năm
	(%)	VND	(%)	VND
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	55,67	151.977.410.000	55,67	151.977.410.000
- Bà Nguyễn Thúy Ly	6,97	19.021.000.000	0,00	-
- Các cổ đông khác	37,36	102.001.580.000	44,33	121.022.580.000
	100,00	272.999.990.000	100,00	272.999.990.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	272.999.990.000	210.000.000.000
- Vốn góp tăng trong năm	-	62.999.990.000
- Vốn góp cuối năm	272.999.990.000	272.999.990.000
Cổ tức, lợi nhuận		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	136.379.350	104.175.300
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	-	157.499.990.000
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	157.499.990.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền	(54.828.500)	(94.467.795.950)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	(54.828.500)	(94.467.795.950)
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng cổ phiếu	-	(62.999.990.000)
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	-	(62.999.990.000)
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	81.550.850	136.379.350

d) Cổ phiếu

	31/12/2023	01/01/2023
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.299.999	27.299.999
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
- Cổ phiếu phổ thông	27.299.999	27.299.999
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
- Cổ phiếu phổ thông	27.299.999	27.299.999
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành 10.000 VND/cổ phần		

e) Các quỹ công ty

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	51.331.712.408	54.846.536.104
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	1.773.466.830	1.773.466.830
	53.105.179.238	56.620.002.934

23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty cho thuê văn phòng tại tòa nhà 193 Đinh Tiên Hoàng và 189 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh theo các hợp đồng thuê cho hoạt động. Vào ngày 31/12/2023, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Từ 1 năm trở xuống	39.602.899.705	38.813.227.244
- Trên 1 năm đến 5 năm	30.567.617.268	54.286.890.563

1001
CT
CỔ
HÀN
1/4

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ
Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

b) Tài sản thuê ngoài

Công ty ký các hợp đồng thuê đất trả tiền hàng năm với các thông tin chi tiết như sau:

+ Hợp đồng thuê đất tại số 193 Đinh Tiên Hoàng và số 189 Nguyễn Thị Minh Khai - thành phố Hồ Chí Minh thời hạn thuê từ năm 2009 đến năm 2046 để sử dụng với mục đích đầu tư văn phòng cho thuê. Tổng diện tích các khu đất thuê là 66.527,7 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Ngoại tệ các loại

	31/12/2023	01/01/2023
- Đồng đô la Mỹ (USD)	4.424,50	2.372,24
- Đồng Euro (EUR)	200,04	200,00

d) Vàng ngoại tệ

	31/12/2023	01/01/2023
- Vàng tiền tệ (Chi)	138,00	137,00

e) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Nợ khó đòi đã xử lý	39.877.104.210	39.463.033.194
	<u>39.877.104.210</u>	<u>39.463.033.194</u>

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	3.041.515.362.878	3.342.709.704.386
Doanh thu cung cấp dịch vụ	79.153.927.523	71.614.619.171
	<u>3.120.669.290.401</u>	<u>3.414.324.323.557</u>
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 40)	<u>113.214.497.341</u>	<u>21.745.939.382</u>

25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	643.984.000	555.380.000
Hàng bán bị trả lại	506.742.218	2.284.016.085
	<u>1.150.726.218</u>	<u>2.839.396.085</u>

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	3.058.371.089.483	3.271.000.614.665
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	33.353.739.709	25.616.887.690
(Hoàn nhập) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(55.071.567.707)	41.025.009.229
	<u>3.036.653.261.485</u>	<u>3.337.642.511.584</u>

Trong đó: Mua hàng từ các bên liên quan

Tổng giá trị mua vào:

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 40)

	<u>1.543.055.875.764</u>	<u>2.198.108.614.680</u>
--	--------------------------	--------------------------

110!

NH
GT
KIẾ
AA!

TR!

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ
Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền gửi	14.214.141.356	1.690.065.309
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	16.982.268.934	20.423.282.206
Cổ tức lợi nhuận được chia	-	747.500.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	2.790.448.775	1.820.575.444
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.569.611.456	890.133.028
Doanh thu hoạt động tài chính khác	418.849.315	430.268.535
	35.975.319.836	26.001.824.522
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan	4.337.535.730	9.516.900.968

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh 40)

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lãi tiền vay	21.762.555.329	17.732.830.700
Chi phí Upas LC	5.505.316.601	4.774.717.745
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	1.412.732.152	8.792.164.975
Dự phòng đầu tư tài chính	3.332.700.000	4.742.600.000
Chi phí tài chính khác	391.117.343	336.936.028
	32.404.421.425	36.379.249.448

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	584.060.045	659.786.984
Chi phí nhân công	25.850.129.942	26.324.306.944
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.831.527.360	3.017.400.236
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.768.242.215	8.980.119.803
Chi phí khác bằng tiền	7.850.725.308	5.444.511.318
	45.884.684.870	44.426.125.285

30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	270.763.326	533.761.023
Chi phí nhân công	10.945.640.988	8.742.005.559
Chi phí khấu hao tài sản cố định	451.992.464	393.045.893
(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(2.605.681.927)	(3.697.346.230)
Thuế, phí, và lệ phí	114.859.189	107.646.982
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.746.679.822	4.488.360.559
Chi phí khác bằng tiền	3.802.071.261	4.486.005.047
	15.726.325.123	15.053.478.833

001
ÁN
TINH
T
C
001

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ
Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

31 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Giá trị hàng thừa nhập kho	256.721.794	691.414.916
Tiền phạt, tiền bồi thường, phí tàu già thu được	427.637.594	148.712.983
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	147.927.273	487.600.079
Thu nhập khác	199.300.000	223.358.803
	1.031.586.661	1.551.086.781

32 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Các khoản bị phạt	10.376.006	6.577.346
Chi phí khác	-	7.470.213
	10.376.006	14.047.559

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	25.846.401.771	5.522.426.066
Các khoản điều chỉnh tăng	1.460.486.896	8.304.760.619
- Chi phí không hợp lệ (phúc lợi, thù lao, phạt, ...)	1.460.486.896	835.640.540
- Lỗi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	-	322.968
- Chi phí lãi vay	-	7.468.797.111
Các khoản điều chỉnh giảm	(4.672.464.638)	(762.450.000)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	(747.500.000)
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối năm	(28.176.945)	(14.950.000)
- Chuyển lãi vay các năm trước	(4.644.287.693)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	22.634.424.029	13.064.736.685
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	4.526.884.806	2.612.947.337
Các khoản điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay	170.120.938	(217.773.958)
Thuế TNDN được hoàn theo quyết định của Bản án phúc thẩm số 452/2021/HSPT	-	(12.500.000.000)
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	(17.698.118.438)	2.362.779.667
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(90.973.399)	(9.956.071.484)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	(13.092.086.093)	(17.698.118.438)

34 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	21.149.396.027	3.127.252.687
Các khoản điều chỉnh	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	21.149.396.027	3.127.252.687
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	27.299.999	27.299.999
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	775	115

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ
Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

35 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.064.157.643	1.442.209.752
Chi phí nhân công	48.641.821.514	41.003.514.649
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.268.733.799	8.551.742.031
Chi phí dịch vụ mua ngoài	27.469.964.735	27.502.261.748
Chi phí khác bằng tiền	12.125.753.938	10.294.109.858
(Hoàn nhập) dự phòng nợ phải thu khó đòi	(2.605.681.927)	(3.697.346.230)
	94.964.749.702	85.096.491.808

36 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro tài chính

Các loại rủi ro tài chính của Công ty có thể gặp phải bao gồm: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Công ty có thể sẽ gặp phải các rủi ro thị trường như: biến động giá thị trường, tỷ giá hối đoái, lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Đầu tư dài hạn	-	-	14.924.700.000	14.924.700.000
	-	-	14.924.700.000	14.924.700.000
Tại ngày 01/01/2023				
Đầu tư dài hạn	-	-	18.257.400.000	18.257.400.000
	-	-	18.257.400.000	18.257.400.000

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá khi có các giao dịch thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam như: vay, doanh thu, chi phí, nhập khẩu vật tư, hàng hóa, máy móc thiết bị,...

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.



Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ
Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	18.636.690.412	-	-	18.636.690.412
Phải thu khách hàng, phải thu khác	296.205.059.994	155.800.000	-	296.360.859.994
Các khoản cho vay	427.300.000.000	-	-	427.300.000.000
	742.141.750.406	155.800.000	-	742.297.550.406
Tại ngày 01/01/2023				
Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền	49.912.159.120	-	-	49.912.159.120
Phải thu khách hàng, phải thu khác	308.310.028.876	155.800.000	-	308.465.828.876
Các khoản cho vay	9.500.000.000	-	-	9.500.000.000
	367.722.187.996	155.800.000	-	367.877.987.996

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đến hạn thanh toán do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 31/12/2023				
Vay và nợ	530.692.867.617	-	-	530.692.867.617
Phải trả người bán, phải trả khác	291.775.121.313	25.466.488.190	-	317.241.609.503
Chi phí phải trả	3.769.476.055	-	-	3.769.476.055
	826.237.464.985	25.466.488.190	-	851.703.953.175

1111
HI P
ÔNG
NG V
A
2-7

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ
Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2023				
Vay và nợ	468.236.751.870	-	-	468.236.751.870
Phải trả người bán, phải trả khác	251.075.725.784	23.282.888.586	-	274.358.614.370
Chi phí phải trả	2.289.965.340	-	-	2.289.965.340
	721.602.442.994	23.282.888.586	-	744.885.331.580

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

37 THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỀN TIỀN TỆ

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
a) Số tiền đi vay thực thu trong năm		
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	2.780.789.306.497	3.546.917.723.681
b) Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm		
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	2.718.333.190.750	3.272.440.580.739

38 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

39 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động kinh doanh sắt thép, vật liệu xây dựng	Hoạt động cho thuê văn phòng, kho bãi	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	3.040.364.636.660	79.153.927.523	3.119.518.564.183
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	37.065.114.884	45.800.187.814	82.865.302.698
Tổng chi phí mua TSCĐ	3.242.435.715	-	3.242.435.715
Tài sản bộ phận trực tiếp	698.496.449.088	64.115.894.651	762.612.343.739
Tài sản không phân bổ	-	-	517.271.566.097
Tổng tài sản	698.496.449.088	64.115.894.651	1.279.883.909.836
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	298.121.721.081	21.201.610.766	319.323.331.847
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	556.871.621.662
Tổng nợ phải trả	298.121.721.081	21.201.610.766	876.194.953.509

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ
Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

40 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ
- Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal - Vnsteel	Cùng Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	Công ty liên kết của Công ty mẹ
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	Công ty liên kết của Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện Kim	Công ty liên kết của Công ty mẹ
- Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	Công ty liên kết của Công ty mẹ

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	113.214.497.341	21.745.939.382
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	102.977.614.000	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí Luyện Kim	134.499.303	1.599.149.506
- Công ty Cổ phần Thép Thủ Đức - Vnsteel	497.114.346	921.188.280
- Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	3.713.726.400	4.195.726.483
- Công ty Cổ phần Lưới thép Bình Tây	5.891.543.292	12.045.101.538
- Công ty Cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel	-	235.400.000
- Công ty Cổ phần Mạ kẽm Công nghiệp Vingal - Vnsteel	-	2.749.373.575
Mua hàng hóa và dịch vụ	1.543.055.875.764	2.198.108.614.680
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	707.071.543.250	1.124.832.975.660
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	743.854.336.982	927.807.384.080
- Công ty TNHH MTV Thép Tấm lá Phú Mỹ - Vnsteel	1.404.432.040	97.276.052.099
- Công ty Cổ phần Giao nhận Kho vận Ngoại thương Việt Nam	70.565.220	-
- Công ty Cổ phần Kim khí Miền Trung	82.440.791.806	28.461.615.950
- Công ty Cổ phần Thép Vicasa - Vnsteel	8.214.206.466	19.730.586.891
Thu nhập từ chiết khấu thanh toán, lãi ký quỹ	4.337.535.730	8.769.400.968
- Công ty TNHH MTV Thép Miền Nam - Vnsteel	3.918.686.415	8.341.459.076
- Công ty TNHH Thép Vina Kyoei	418.849.315	427.941.892
Nhận cổ tức	-	747.500.000
- Công ty Cổ phần Thép Nhà Bè - Vnsteel	-	747.500.000
Chi trả cổ tức	-	52.607.565.000
- Tổng Công ty Thép Việt Nam - CTCP	-	52.607.565.000

11/01/2024

Công ty Cổ phần Kim khí Thành phố Hồ Chí Minh - Vnsteel
Số 193 Đinh Tiên Hoàng, phường Đa Kao, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

Báo cáo tài chính
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
Thu nhập của người quản lý chủ chốt			
- Ông Dương Trung Toàn	Chủ tịch HĐQT	663.783.417	794.090.000
- Ông Phạm Mạnh Hùng	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
- Bà Cù Thị Thùy Linh	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
- Ông Trương Bá Liêm	Thành viên HĐQT	60.000.000	60.000.000
- Ông Võ Trí Nghĩa	Thành viên HĐQT Kiêm Tổng Giám đốc	647.186.000	772.430.000
- Ông Nguyễn Thanh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	-	621.676.696
- Ông Lại Văn Quyền	Phó Tổng Giám đốc	593.163.200	447.685.666
- Bà Lê Thị Nguyệt	Phó Tổng Giám đốc	533.172.077	89.710.000
- Bà Hoàng Lê Ánh	Trưởng Ban kiểm soát	471.485.029	545.000.000


Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

		Năm 2023	Năm 2022
		VND	VND
- Bà Trương Thị Tuyết	Thành viên Ban kiểm soát	42.000.000	42.000.000
- Bà Đoàn Thị Thanh Thúy	Thành viên Ban kiểm soát	42.000.000	44.000.000
- Bà Nguyễn Thị Hồng Mây	Kế toán trưởng	431.749.500	-


Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.


41 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán.


Lê Thúy Hằng
Người lập

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2024


Nguyễn Thị Hồng Mây
Kế toán trưởng


Võ Trí Nghĩa
Tổng Giám đốc





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ TP.HỒ CHÍ MINH – VNSTEEL

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 03 năm 2024

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0300399360-C.T.C.P.
CÔNG TY
CỔ PHẦN
KIM KHÍ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
- VNSTEEL
QUẬN 1 - T.P. HỒ CHÍ MINH

Võ Trí Nghĩa

CÔNG TY CỔ PHẦN KIM KHÍ TP. HỒ CHÍ MINH – VNSTEEL

Địa chỉ: 193 Đinh Tiên Hoàng, Phường Đa Kao, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3829.4623

Fax: (028) 3829 0403

Website: <https://metalhcm.com.vn/vi/>

Email: kimkhitp@metalhcm.com.vn